



CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN | 2021



MỤC LỤC

01 THÔNG TIN CHUNG

02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

03 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

04 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

05 QUẢN TRỊ CÔNG TY

06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

01



THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Ngành nghề và Địa bàn kinh doanh

Quá trình hình thành và phát triển

Mô hình quản trị

Cơ cấu bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro

THÔNG TIN KHÁI QUÁT



Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Tên viết tắt: 28.1 JSC

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: Mã số thuế 0304484232 được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM

cấp phép hoạt động lần đầu tiên vào ngày 01/08/2016, đăng ký thay đổi lần lần thứ 5 vào ngày 26/8/2020

Vốn điều lệ: 48.633.860.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 48.633.860.000 đồng

Địa chỉ: Số 3 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Số điện thoại: (028) 38 940 914

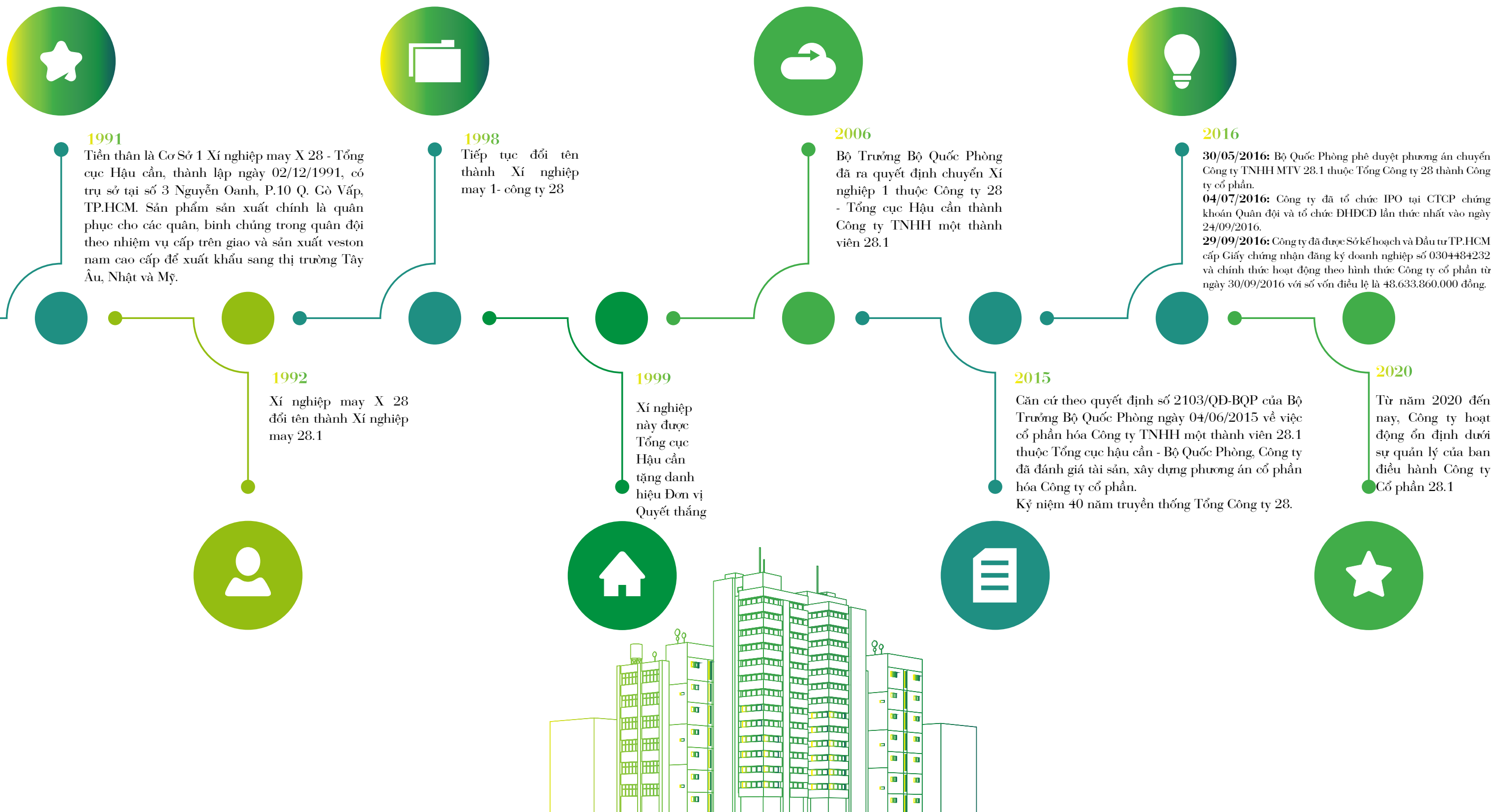
Số fax: (028) 38 941 668

Website: www.agtex28-1.com

Email: info@agtex28-1.com

Mã cổ phiếu: AC1

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



CÁC THÀNH TÍCH TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG

1999

Xí nghiệp này được Tổng cục Hậu cần tặng danh hiệu Đơn vị Quyết thắng.

2012

Đón nhận danh hiệu Anh hùng lao động Thời kì đổi mới.

2015

Đón nhận huân chương lao động hạng nhất.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

- » Công ty chuyên sản xuất hàng may mặc;
- » Buôn bán vải, hàng may sẵn, giày dép;
- » Mua bán nguyên phụ liệu ngành may.

Sản phẩm chính

- » Bộ Veston Nam;
- » Quần Tây;
- » Jile (waitcoat).

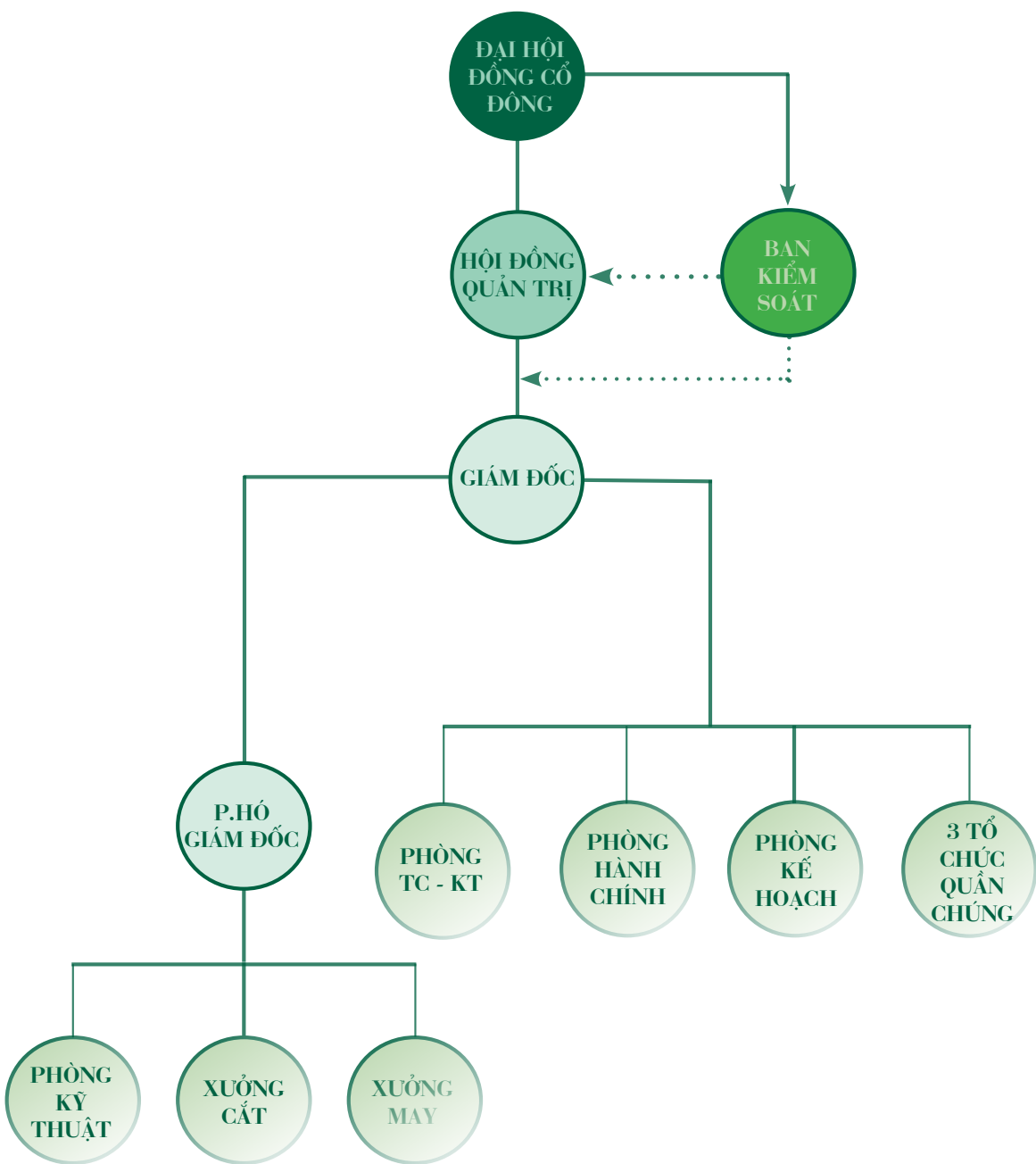
Địa bàn kinh doanh

Cóng ty hoạt động trên địa bàn lãnh thổ Việt Nam và hoạt động xuất khẩu ra thị trường nước ngoài tập trung chủ yếu ở các nước Mỹ, EU, Nhật Bản,...



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Cơ cấu bộ máy quản lý



Mô hình quản trị

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo luật Doanh nghiệp và điều lệ Công ty. Đại hội đồng cổ đông thông qua chủ trương chính sách đầu tư phát triển Công ty, quyết định cơ cấu vốn, thông qua phương án sản xuất kinh doanh, quyết định bộ máy tổ chức quản lý, điều hành kinh doanh của Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến quản lý và hoạt động của Công ty phù hợp với luật pháp, trừ những vấn đề thuộc Đại hội đồng cổ đông quyết định.
Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông tất cả những vấn đề quản lý Công ty theo điều lệ, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ pháp luật.

BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát chịu trách nhiệm giám sát việc triển khai thực hiện nhiệm vụ của Ban điều hành công ty theo đúng quy định. Ban kiểm soát đảm bảo các hoạt động của Công ty tuân thủ pháp luật và thực hiện đúng nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, của Hội đồng quản trị Công ty.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban giám đốc điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty dựa trên Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về trách nhiệm điều hành Công ty

Các công ty con, công ty liên kết: Công ty 28.1 không có công ty con và công liên kết

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Với phương châm “Chất lượng tốt nhất, giá cả cạnh tranh, giao hàng đúng hẹn”. Công ty đã luôn cố gắng, nỗ lực xây dựng tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị văn hóa của riêng mình để tạo ra một con đường phát triển bền vững

Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị văn hóa cốt lõi của Công ty

Tầm nhìn và sứ mệnh

Công ty cổ phần 28.1 phát triển từ một xưởng sản xuất quần trang của Tổng công ty 28 ngay từ những năm đầu giải phóng (09/05/1975). Công ty luôn nỗ lực phát triển trở thành Công ty hàng đầu trong ngành Dệt may cũng như trở thành thương hiệu thời trang tốt nhất Việt Nam. Với sứ mệnh mang đến cho quý khách hàng những sản phẩm chất lượng tốt nhất và giúp thỏa mãn nhu cầu thời trang cho mọi tầng lớp xã hội.

Giá trị văn hóa cốt lõi

Công ty đã và đang nỗ lực xây dựng một hệ thống hoàn chỉnh và hài hòa nhất giữa Công ty, người lao động, cổ đông và khách hàng. Phải luôn thật sự thấu hiểu, thỏa mãn được yêu cầu của khách hàng về sản phẩm với mức giá tốt nhất. Để góp phần làm được điều này, Công ty luôn tạo môi trường làm việc thân thiện, chuyên nghiệp cho nhân viên. Khuyến khích chủ động học hỏi, ứng dụng công nghệ vào hoạt động sản xuất giúp nâng cao trình độ, tăng hiệu quả công việc và sẵn sàng thích ứng với những xu hướng, thị hiếu mới của khách hàng. Bên cạnh đó, Công ty luôn đề ra những mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh doanh để không ngừng vươn lên, tạo uy tín cũng như tối ưu hóa lợi ích cho cổ đông

Văn hóa Công ty

Học tập

Công ty luôn khuyến khích, tạo điều kiện và cơ hội để nhân viên học tập, rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực bản thân.

Tập thể công ty luôn chủ động học hỏi áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến nhằm thúc đẩy hiệu quả sản xuất và chất lượng sản phẩm đầu ra.

Khuyến khích nhân viên luôn cập nhật các xu thế thời trang, thị hiếu của khách hàng để phục vụ tốt nhất yêu cầu người dùng.

Tinh thần kinh doanh

Khuyến khích tinh thần tự chủ của mọi thành viên, tạo môi trường chủ động sáng tạo thể hiện khả năng của mỗi người. Không phụ thuộc cũng như là e ngại cấp trên. Kết quả sẽ là tiêu chuẩn tốt nhất đánh giá năng lực mỗi người. Tạo môi trường làm việc với “sáng kiến, sáng tạo, đổi mới” sẽ là phong cách sống của mỗi cán bộ công nhân viên Công ty. Mọi sự đóng góp của các thành viên trong quá trình đổi mới phương thức hoạt động hiệu quả đều được trân trọng và đền đáp xứng đáng.

Tinh thần kinh doanh

Phấn đấu đạt mục tiêu đề ra.

Đảm bảo lợi ích hài hòa giữa nhà cung cấp, khách hàng và Công ty. Từ đó tạo sự phát triển bền vững.

Cố gắng đưa sản phẩm chủ lực của Công ty dẫn đầu thị trường Việt Nam và mang thương hiệu Việt đến tay bạn bè quốc tế.

Đồng đội

Đồng viên, thúc đẩy tin thần đoàn kết, gắn bó trong nội bộ công ty bằng việc thường xuyên tổ chức các cuộc họp mở để mọi người chia sẻ quan điểm cũng như là khó khăn của bản thân để tập thể cùng giải quyết, giúp tăng năng suất công việc, hiệu quả sản xuất kinh doanh. Luôn luôn đảm bảo đầy đủ lợi ích, quyền lợi của mỗi nhân viên trong tập thể Công ty.

Chất lượng

Không ngừng tìm kiếm nguồn nguyên vật liệu tốt, giá thành hợp lý. Cùng với đó là đội ngũ kỹ thuật viên tay nghề cao sẽ tạo ra những thành phẩm tối ưu nhất cho khách hàng.

Nâng cao tính chuyên nghiệp trong công tác dịch vụ khách hàng, gắn bó, tạo mối quan hệ bền vững với khách hàng. Từ đó tạo hình ảnh đẹp của Công ty trong lòng người tiêu dùng cũng như trên thị trường.

CÁC RỦI RO



Rủi ro kinh tế

Trong năm 2021, làn sóng dịch Covid-19 bùng phát từ cuối tháng Tư với biến chủng mới có tốc độ lây lan nhanh chóng, nguy hiểm diễn biến phức tạp tại nhiều địa phương, đặc biệt tại các vùng kinh tế trọng điểm như Hà Nội, Bắc Giang, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, đã ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống, an toàn của người dân và phát triển kinh tế xã hội. Ngành dệt may nói chung và Công ty cổ phần 28.1 nói riêng cũng chịu những ảnh hưởng nghiêm trọng. Với sản phẩm chính là Vest, Gilê

và Quần tây - mặt hàng chưa được phân vào nhóm hàng thiết yếu nên Công ty phải chịu tác động tiêu cực về sản xuất, xuất khẩu và chuỗi cung ứng dệt may trong giai đoạn nhiều địa phương thực hiện giãn cách xã hội theo chỉ thị 16 của Chính phủ.

Công ty cổ phần 28.1 đã hạn chế những ảnh hưởng của dịch bệnh cũng như các rủi ro kinh tế khác bằng cách thường xuyên nắm bắt tình hình dự báo biến động nền kinh tế thế giới cũng như tác động của nền kinh tế lên thị trường Việt Nam nói chung và ngành Dệt may Việt Nam nói riêng để có kế hoạch ứng phó khó khăn kịp thời và tối thiểu hóa tổn thất cho doanh nghiệp.

Rủi ro tỷ giá

Sau thời gian nới lỏng tiền tệ nhằm hỗ trợ nền kinh tế vượt qua dịch bệnh Covid-19, kết thúc cuộc họp của FOMC ngày 15/12/2021, Fed bắt đầu lên kế hoạch thắt chặt chính sách tiền tệ, tăng lãi suất từ đầu 2022. Lãi suất Mỹ tăng sẽ giúp tăng giá đồng USD, gây tác động đến tỷ giá thế giới.

Hoạt động chủ yếu của Công ty cổ phần 28.1 là xuất khẩu cho các quốc gia trên thế giới như Nhật, Mỹ, EU ... và chủ yếu sử dụng bằng đồng USD. Chính vì vậy sự biến động tỷ giá giữa đồng Việt Nam với đồng USD có ảnh hưởng rất lớn đến kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm.

Để đối phó với rủi ro này, Công ty luôn theo dõi những biến động tỷ giá trên thị trường để có những biện pháp phòng vệ tài chính và thu hồi nợ kịp thời

Rủi ro pháp luật

Hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất xuất khẩu hàng may mặc nên Công ty chịu sự chi phối của Luật Quốc tế và các quy định, chính sách đối với ngành dệt may. Bên cạnh đó, Công ty còn bị ảnh hưởng bởi các Bộ luật như Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các văn bản pháp lý liên quan khác. Sự thay đổi về các quy định, chính sách của Nhà nước liên quan đến ngành dệt may và Luật quốc tế đều ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty nói riêng và toàn ngành dệt may nói chung.

Hiện nay, Chính phủ đã ban hành Luật Chứng khoán mới và có hiệu lực ngày 01/01/2021 nhằm cải thiện môi trường, hoàn chỉnh quy chuẩn về các hoạt động trong lĩnh vực này. Bên cạnh đó, hệ thống Việt Nam đang trong giai đoạn bổ sung, điều chỉnh và hoàn thiện hệ thống luật pháp để phù hợp với tình hình thực tại, tạo dựng môi trường kinh doanh văn minh, minh bạch hơn, thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

Để đề phòng sự ảnh hưởng của rủi ro pháp luật, Công ty luôn nắm bắt và cập nhật những quy định mới, đưa ra các thay đổi phù hợp về chính sách quản lý, chiến lược kinh doanh cho Công ty.



Rủi ro cạnh tranh

Các doanh nghiệp ở Việt Nam vẫn gặp trở ngại về quy tắc xuất xứ nên chưa thể tối ưu lợi ích từ CTTTP và FTA mang lại. Chi phí vận tải, xuất khẩu vẫn còn cao, bên cạnh đó, bất lợi về tỷ giá của đồng Việt Nam so với các đối thủ cạnh tranh gây ảnh hưởng gián tiếp đến sức cạnh tranh của hàng Việt Nam so với đối thủ. Trên thị trường quốc tế, các đối thủ cạnh tranh với may mặc Việt Nam lại có kết quả tăng trưởng tốt hơn như Trung Quốc (+12% so với cùng kỳ), Ấn Độ (+52% so với cùng kỳ) và Bangladesh (+13% so với cùng kỳ). Công ty cổ phần 28.1 luôn nỗ lực tạo ra sản phẩm chất lượng cùng với đó là các kế hoạch chi tiêu, lựa chọn nhà cung cấp phụ liệu giá thành hợp lý để kiểm soát tốt giá thành đầu vào, tạo lợi thế cạnh tranh vừa giá cả và chất lượng sản phẩm.

Rủi ro lãi suất

Trong năm 2021, tiếp tục tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quá trình hoạt động của nhiều doanh nghiệp. Gây khó khăn trong việc vay vốn cũng như chi trả các khoản nợ của doanh nghiệp. Chính phủ đã có những gói hỗ trợ nhằm giúp các doanh nghiệp phục hồi sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước phối hợp cùng các Tổ chức tín dụng để thực hiện các chính sách vay vốn, miễn, giảm, hạ lãi suất cho các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh. Công ty cổ phần 28.1 cũng tận dụng tối đa sự hỗ trợ của Nhà nước để huy động vốn nhằm duy trì hoạt động sản xuất trong giai đoạn khó khăn này. Công ty luôn chủ động cập nhật tình hình biến động lãi suất và theo dõi các khoản nợ để lên kế hoạch chi trả và có các phương án huy động vốn với lãi suất hấp dẫn giúp hạn chế rủi ro xuống mức thấp nhất

Rủi ro nguyên liệu đầu vào

Bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, không chỉ lượng cầu hàng may mặc giảm mà hoạt động sản xuất cũng bị gián đoạn do đứt gãy chuỗi cung ứng, khó khăn trong hoạt động xuất nhập khẩu. Do nguyên phụ liệu ngành dệt may chủ yếu đến từ nhập khẩu nên phải phụ thuộc nguồn cung nhập khẩu từ Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật... Sự thiếu hụt nguồn cung trong thời gian dịch bệnh gây tăng giá thành nguyên phụ liệu đầu vào, tạo áp lực cạnh tranh giá cả thành phẩm bán ra.

Trong bối cảnh khó khăn, Công ty cổ phần 28.1 đã chủ động thúc đẩy hoạt động sản xuất trong nước bằng việc thực hiện gia công sản phẩm may mặc giúp cải thiện tình hình doanh thu. Bên cạnh đó, để giảm thiểu rủi ro từ nguyên vật liệu, Công ty cổ phần 28.1 luôn chủ động tìm kiếm các nguồn cung nguyên phụ liệu khác nhau nhằm tránh tình trạng phải phụ thuộc vào một nguồn cung duy nhất.

Rủi ro khác

Những rủi ro khác bao gồm những rủi ro không lường trước được như lũ lụt, thiên tai, ... đặc biệt là hỏa hoạn. Công ty cổ phần 28.1 luôn chủ động lên kế hoạch phòng chống, đảm bảo an toàn cho người lao động và cơ sở vật chất, hạn chế tối đa các thiệt hại.



02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức nhân sự

Tình hình đầu tư thực hiện dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

STT	Doanh thu thuần	Năm 2020		Năm 2021		% Năm 2021/ Năm2020
		Giá trị (Tr.đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Tr.đồng)	Tỷ trọng (%)	
1	Doanh thu xuất khẩu	101.332	70,22%	80.583	57,75%	79,52%
2	Doanh thu nội địa	40.979	28,4%	56.533	40,51%	137,96%
3	Doanh thu dịch vụ khác	2.247	1,56%	2.423	1,74%	107,83%
4	Hàng bán bị trả lại	-261	-	-	-	-
Tổng cộng		144.297	100%	139.539	100%	96,7%

Trong năm 2021, tổng doanh thu mà Công ty thực hiện đã giảm nhẹ so với cùng kì, cụ thể, tỷ lệ thực hiện doanh thu của Công ty trong năm 2021 là 96,7% so với năm 2020. Trong một năm kinh tế đầy khó khăn, chuỗi cung ứng xuất nhập khẩu bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch, cơ cấu doanh thu của Công ty dần chuyển dịch sang thị trường nội địa. Mặc dù Doanh thu xuất khẩu của Công ty vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu doanh thu năm 2021 nhưng đã có sự giảm rõ rệt, doanh thu từ hoạt động xuất khẩu chỉ còn chiếm 57,75% thấp hơn so với mức 70,22% vào năm 2020, trong khi doanh nội địa chiếm tỷ trọng 40,51% cao hơn năm 2020 ở mức 12,11% cơ cấu tổng doanh thu thuần.



Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2020	KH 2021	TH 2021	So sánh (%)	
					TH 2021/ KH 2021	TH 2021/ TH 2020
Tổng doanh thu	Tr. Đồng	147.072	195.000	140.691	72,15%	95,66%
Lợi nhuận trước thuế	Tr. Đồng	-9.278	-5.858	-13.018	-	-
Lợi nhuận sau thuế	Tr. Đồng	-9.278	-5.858	-13.018	-	-
Tỷ lệ chia cổ tức/VĐL	%	-	-	-	-	-

Dịch covid 19 từ đầu năm 2021 đã ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần 28.1, đặc biệt trong công tác duy trì nguồn hàng, khách hàng. Khi dịch bệnh bùng phát cao điểm vào tháng 4, tháng 5, giãn cách xã hội kéo dài, các khách hàng liên tục hủy đơn hàng, khiến Công ty ngừng sản xuất trong giai đoạn “giãn cách xã hội”. Để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, trong năm Công ty phải chuyển đổi mặt hàng sản xuất, phải nhận các đơn hàng nhỏ lẻ trái công nghệ dẫn đến năng suất rất thấp, nhận may hàng quốc phòng và tìm kiếm các đơn hàng đồng phục khác để đảm bảo đủ việc làm cho người lao động. Tổng doanh thu năm 2021 dù chỉ đạt 72,15% so với kế hoạch đề ra, và 95,66% so với năm 2020, nhưng đây là một điểm đáng khích lệ, chứng minh nỗ lực không ngừng của Ban lãnh đạo cũng như tập thể cán bộ công nhân viên toàn Công ty.



TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Danh sách Ban Điều hành (Tính tại thời điểm 01/03/2022)

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu và đại diện sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Trần Doãn Thoan	Giám Đốc	790.300	16,25%
2	Ông Nguyễn Thiện	Phó Giám Đốc	-	-
3	Ông Nguyễn Văn Tài	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám Đốc	10.000	0,21%
4	Ông Tăng Hùng	Kế toán trưởng	-	-

Lý lịch Ban điều hành

ÔNG: TRẦN DOÃN THOAN

Tổng Giám đốc

Năm sinh : 1968
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn : Đại học
Quá trình công tác :
» 04/1988 - 11/1991: Thợ may Tổng cục Quốc Phòng thuộc phân xưởng II Xí nghiệp may X28 Tổng cục Hậu Cần (TCHC)
» 12/1991 - 09/1994: Nhân viên Kỹ thuật Cơ sở I Công ty May 28 TCHC
» 10/1994 - 12/2000: Nhân viên Kỹ thuật Xí Nghiệp I Công ty May 28 TCHC Bộ Quốc Phòng
» 12/2000 - 07/2004: Trưởng phòng Kỹ thuật Xí Nghiệp I Công ty May 28 TCHC Bộ Quốc Phòng
» 07/2006 - 05/2011: Trưởng phòng Kỹ thuật Xí Nghiệp I Công ty May 28 TCHC Bộ Quốc Phòng Phó Giám đốc Công ty TNHH 28.1 Tổng Công ty 28 TCHC Bộ Quốc Phòng
» 06/2011 - 02/2014: Thiếu tá - Phó Giám đốc Công ty TNHH 28.1 Tổng Công ty 28 TCHC - Bộ Quốc Phòng
» 03/2014 - 05/2014:Thiếu tá - Giám đốc Công ty TNHH 28.1 Tổng Công ty 28 TCHC - Bộ Quốc Phòng
» 06/2014 - 09/2016: Trung tá - Giám đốc Công ty TNHH 28.1 Tổng Công ty 28 TCHC - Bộ Quốc Phòng
» 10/2016 - 05/2018: Trung tá - Giám đốc Công ty Cổ phần 28.1 Tổng Công ty 28 TCHC - Bộ Quốc Phòng
» 06/2018 - 03/2019: Thượng tá - Giám đốc Công ty Cổ phần 28.1 Tổng Công ty 28 TCHC - Bộ Quốc Phòng
» 01/04/2019 - 02/2022: Thượng tá - Giám đốc Công ty Cổ phần 28.1 Tổng Công ty 28 - TCHC - Bộ Quốc Phòng
» 14/01/2022 Nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28
» 01/03/2022 Nay : Giám đốc Công ty cổ phần 28.1
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay
Đại diện: 790.300 cổ phần, chiếm 16,25% VDL
Cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0%VDL

ÔNG: NGUYỄN THIỆN

Phó Giám đốc

Năm sinh : 1985
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản tri kinh doanh, Kỹ sư công nghệ thông tinQuá trình công tác :
» 9/2012 - 6/2014: Nhân viên quản lý hệ thống cửa hàng tại Trung tâm kinh doanh thời trang Tổng công ty 28
» 7/2014 - 1/2015: Nhân viên cân đối Phòng kế hoạch Công ty TNHH 28.1
» 2/2015 - 3/2019: Phó phòng kế hoạch Công ty cổ phần 28.1
» 4/2019 - 2/2022: Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh Xí nghiệp may đo quân đội Tổng công ty 28
» 3/2022 Nay: Phó giám đốc kiêm TP kế hoạch Công ty cổ phần 28.1
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không có
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay
Đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL
Cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0%VDL

ÔNG: NGUYỄN VĂN TÀI

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc

Năm sinh : 1966
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn : Đại học
Quá trình công tác :
» 02/1984 - 06/1988: Bộ đội Nhán viên bản đồ tại Sư đoàn mặt trận 479 Cẩm phu chia Tổ trưởng tổ cắt
» 07/1988 - 10/1989:Tổ trưởng tổ cắt Cóng ty cổ phần Bình phú Tổng Cóng ty 28
» 11/1989 - 03/1991:Tổ trưởng tổ cắt Xưởng giấy Tổng Cóng ty 28
» 04/1991 - 05/1992: Thợ cắt Xí nghiệp May đo Quán đội Tổng Cóng ty 28
» 06/1992 - 10/1995: Đi học tại trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật
» 11/1995 - 01/1997: Nhán viên Phòng Kỹ thuật Cóng ty cổ phần 28 Hưng Phú Tổng Cóng ty 28
» 05/1997 - 07/2003:Nhán viên Phòng Kế hoạch Cóng ty cổ phần 28 Hưng Phú Tổng Cóng ty 28
» 08/2003 - 09/2005: Phó quản đốc Xưởng may 1 Cóng ty cổ phần 28 Hưng Phú Tổng Cóng ty 28
» 10/2005 - 12/2005: Phó phòng Kế hoạch Cóng ty cổ phần 28 Hưng Phú Tổng Cóng ty 28
» 01/2006 - 03/2007: Phó Quản đốc Xưởng may 1 Cóng ty cổ phần 28 Hưng Phú Tổng Cóng ty 28
» 04/2007 - 01/2008: Phó Quản đốc xưởng Veston nam Cóng ty cổ phần 28.1 Tổng Cóng ty 28
» 02/2008 - 09/2008: Phó Quản đốc xưởng Veston nam Cóng ty cổ phần 28.6 Tổng Cóng ty 28
» 10/2008 - 02/2009: Phó Phòng nghiệp vụ Cóng ty cổ phần 28.6 Tổng Cóng ty 28
» 03/2009 - 05/2010: Quản đốc xưởng veston nam Cóng ty cổ phần 28.6 Tổng Cóng ty 28
» 06/2010 - 09/2010: Quản đốc xưởng veston nam Cóng ty cổ phần 28.1 Tổng Cóng ty 28
» 10/2010 - 10/2011: Phó Phòng kế hoạch Cóng ty cổ phần 28.1 Tổng Cóng ty 28
» 11/2011 - 04/2012: Quản đốc Xưởng may 2 Cóng ty cổ phần 28.1 Tổng Cóng ty 28
» 05/2012 - 10/2017: Trưởng Phòng Kỹ Thuật Cóng ty cổ phần 28.1 Tổng Cóng ty 28
» 11/2017 - 12/2019: Phó Tổng Giám đốc Cóng ty cổ phần Bình Phú Tổng Cóng ty 28
» 01/2020 - 4/2020: Phó Tổng Giám Đốc Cóng ty cổ phần 28 Đà Nẵng Tổng Cóng ty 28
» 31/05/2020 nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc Cóng ty cổ phần 28.1
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : không có
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay
Đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL
Cá nhân: 10.000 cổ phần, chiếm 0,21%VDL

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

ÔNG: TĂNG HÙNG

Kế toán trưởng

Năm sinh : 1974
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác :
» 09/1997 - 2000: Nhân viên kế toán Xí nghiệp 2 - Công ty May 28
» 01/2001 - 06/2014: Nhân viên kế toán Tổng công ty 28
» 07/2014 28/02/2022: Kế toán trưởng Công ty cổ phần 28 Hưng Phú
» 01/03/2022 - nay: Kế toán trưởng - Công ty cổ phần 28.1
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không có
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay
Đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL
Cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0%VDL

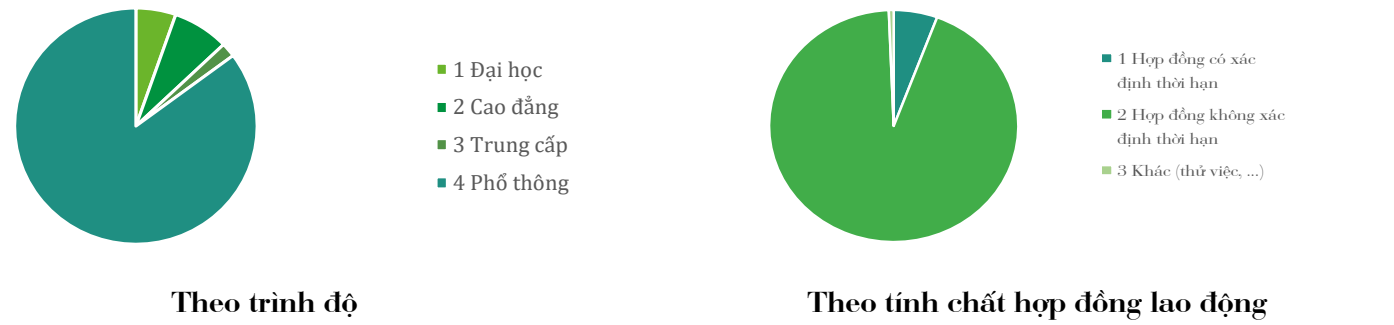
Những thay đổi trong ban điều hành

STT	Thành viên	Chức Vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Trần Doãn Thoan	Giám đốc	01/03/2022	
2	Nguyễn Vĩnh Long	Giám đốc		01/03/2022
3	Nguyễn Thiện	Phó Giám đốc	01/03/2022	
4	Vũ Sỹ Nam	Phó Giám đốc		01/03/2022
5	Lê Mai Dung	Kế toán trưởng		01/03/2022
6	Tăng Hùng	Kế toán trưởng	01/03/2022	

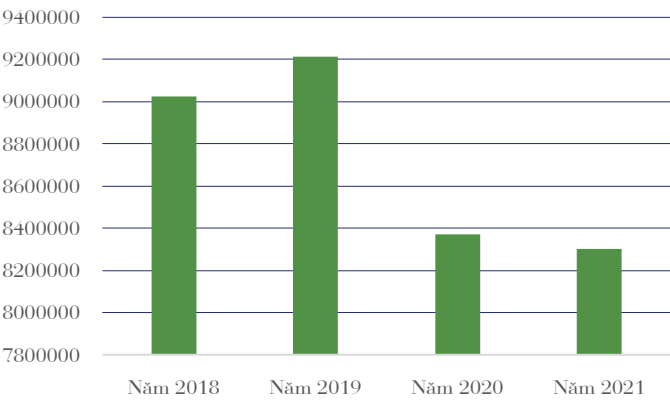
Số lượng cán bộ, nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
A	Theo trình độ	476	100%
1	Đại học	22	4,62%
2	Cao đẳng	31	140,91%
3	Trung cấp	8	25,81%
4	Phổ thông	415	5187,50%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	476	100%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	27	5,67%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	446	1651,85%
3	Khác (thử việc, ...)	3	0,67%

Biểu đồ thể hiện cơ cấu cán bộ, nhân viên



Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	9.023.181	9.212.357	8.371.089	8.303.544



Biểu đồ thể hiện thu nhập bình quân

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Chính sách nhân sự

Về đào tạo

Công ty thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo đồng thời trang bị các điều kiện, cơ sở vật chất làm việc tốt nhất cho người lao động nhằm nâng cao trình độ chuyên môn cũng như hiệu quả công việc

Về tuyển dụng

Công ty luôn chú trọng chọn lọc những người lao động có trình độ chuyên môn, phù hợp với công việc đề ra và không sử dụng lao động dưới 18 tuổi. Ngoài ra, Công ty có các chính sách đãi ngộ tốt cho các ứng viên tiềm năng nhằm thu hút nhân tài, tạo bệ phóng vững chắc cho quá trình phát triển của doanh nghiệp.

Môi trường công việc

Để đảm bảo hiệu quả công việc, đạt được các mục tiêu kinh doanh đã đề ra của Công ty thì việc cung cấp cho người lao động một môi trường làm việc năng động, thoải mái.

Công ty luôn đảm bảo một môi trường làm việc chuyên nghiệp với đầy đủ trang thiết bị. Thực hiện chế độ an toàn, vệ sinh trong lao động cho mọi phòng ban, địa điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, Công ty luôn đảm bảo các quyền lợi cho nhân viên theo quy định của Bộ luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bảo hiểm thất nghiệp. Chú trọng thực hiện chăm sóc y tế định kỳ cho người lao động.

Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Nhằm nâng cao trách nhiệm làm việc của mỗi cá nhân, Công ty luôn đảm bảo mọi quyền lợi cũng như quan tâm đến sức khỏe và đời sống tin thần của nhân viên:

» Chính sách lương, thưởng:

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ lương thưởng cho người lao động theo cam kết dựa trên quy định của pháp luật. Ngoài ra, Công ty cũng có các chính sách thưởng cho những cá nhân xuất sắc, vượt chỉ tiêu đề ra nhằm khuyến khích mọi người làm việc nỗ lực.

» Chính sách phúc lợi:

Công ty chú trọng thực hiện khám sức khỏe định kỳ, tổ chức các hoạt động tham quan du lịch trong và ngoài nước hàng năm cho Cán bộ công nhân viên. Thường xuyên tổ chức các hoạt động phong trào thể thao, văn nghệ thúc đẩy tin thần đoàn kết và tạo niềm vui trong công việc.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Các khoản đầu tư lớn: Trong năm Công ty không thực hiện các khoản đầu lớn.

Các công ty con, công ty liên kết: Công ty không có công ty con, công ty liên kết.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm Năm 2021/ Năm 2020
1	Tổng giá trị tài sản	96,123	91,15	-5,17%
2	Doanh thu thuần	144,558	139,539	-3,47%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-9,261	-13,629	-
4	Lợi nhuận khác	-16	611	-
5	Lợi nhuận trước thuế	-9,278	-13,018	-
6	Lợi nhuận sau thuế	-9,278	-13,018	-
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

Trong năm 2021, tổng giá trị tài sản của Công ty cổ phần 28.1 là 91,15 tỷ đồng, giảm 5,17% so với năm 2020. Lượng hàng tồn kho của Công ty vẫn còn tồn đọng, chi phí khấu hao hàng năm theo quy định, làm cho giá trị tài sản của Công ty giảm. Doanh thu của Công ty cũng ở mức giảm nhẹ là 3,47% so với năm 2020 vì diễn biến khó lường của đại dịch Covid 19. Năm 2021 là một năm kinh tế khó khăn của ngành may nói chung và Công ty cổ phần 28.1 nói riêng. Ngoài ra, thị trường hoạt động chủ yếu của Công ty là thị trường nước ngoài nên khi chuỗi cung ứng xuất nhập khẩu bị gián đoạn doanh thu và lợi nhuận của Công ty đã bị ảnh hưởng tiêu cực nặng nề. Ban lãnh đạo Công ty đã rất nỗ lực giảm đi các khoản lỗ để Công ty tái cơ cấu thị trường và đưa ra những chiến lược với tầm nhìn dài hạn, qua đó Công ty dần thích nghi và phát triển hiệu quả với đặc điểm của tình hình kinh tế khó khăn và còn tiềm ẩn nhiều rủi ro trước mắt.



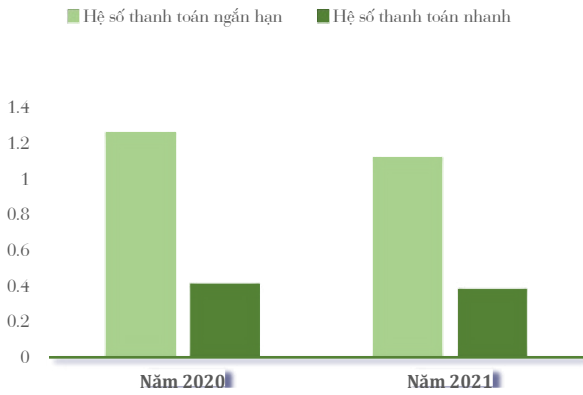
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn: (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,26	1,12
Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,41	0,38
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	57,66	69,63
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	136,17	229,26
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	2,66	2,86
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	Vòng	1,36	1,49
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	-6,43	-9,33
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	-19,06	-38,7
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	-8,76	-13,9
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	-6,42	-9,77

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

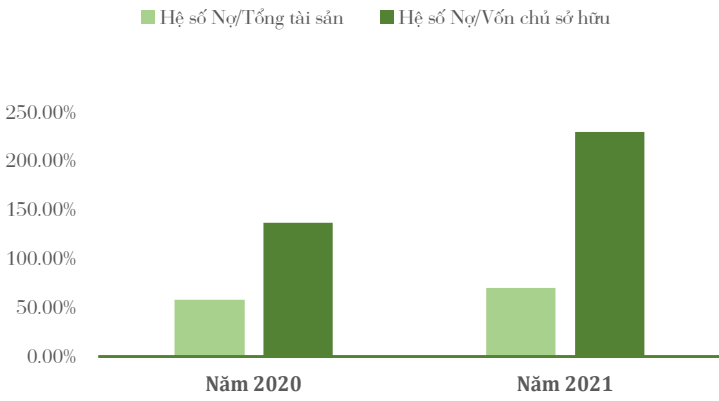
Chi phí khấu hao lũy kế tiếp tục tăng định kỳ theo quy định của pháp luật, giảm 6,07 tỷ làm tài sản cố định giảm còn 18,60 tỷ đồng, dẫn đến tài sản ngắn hạn giảm 1,90% so với năm 2020, đạt 70,81 tỷ đồng. Bên cạnh đó, nợ ngắn hạn trong năm 2021 tăng 14,72% so với cùng kỳ, đạt 63,46 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu là do khoản phải trả cho người bán tăng 82,55% so với năm 2020, tương đương đạt 30,6 tỷ đồng. Do đó, chỉ tiêu thanh toán ngắn hạn và chỉ tiêu thanh toán nhanh của Công ty đều giảm so với năm 2020, giảm lần lượt 0,14 lần và 0,03 lần; tương đương đạt 1,12 lần và 0,38 lần.



Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

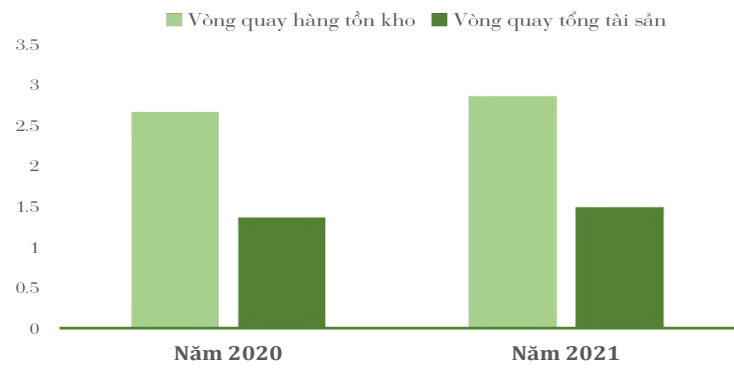
Hai hệ số Nợ/Tổng tài sản và Nợ/Vốn chủ sở hữu tăng đáng kể, tăng 11,97% và 93,09% so với năm 2020, đạt lần lượt là 69,63% và 229,26% trong năm 2021.

Chủ yếu là do Nợ phải trả tăng 14,51% so với cùng kỳ, đạt 63,46%. Trong cơ cấu nợ phải trả, khoản phải trả người bán ngắn hạn, vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tăng. Đồng thời Tổng tài sản và Vốn chủ sở hữu giảm mạnh. Trong năm 2021, dịch bệnh diễn biến phức tạp làm đứt gãy chuỗi cung ứng, Công ty phải đối diện với các đợt hủy đơn hàng cùng nhu cầu tiêu thụ veston giảm nhưng vẫn phải chịu chi phí khấu hao hàng năm. Từ đó, làm doanh thu giảm, chi phí tăng cao và kéo theo lợi nhuận giảm, vốn chủ sở hữu giảm đáng kể. Năm 2021, vốn chủ sở hữu giảm từ 40,7 tỷ đồng năm 2020 còn 27,68 tỷ đồng.



Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Năng lực hoạt động của Công ty trong năm 2021 không thay đổi nhiều so với năm 2020, Vòng quay hàng tồn kho và Vòng quay tổng tài sản duy trì ở mức 2,86 vòng và 1,49 vòng. Nguyên nhân là do giá vốn hàng bán trong năm 2021 tăng 1,83% (133,27 tỷ đồng) so với mức giá vốn ở năm 2020 (130,88 tỷ đồng) mặc dù doanh thu giảm 3,3% so với cùng kỳ.



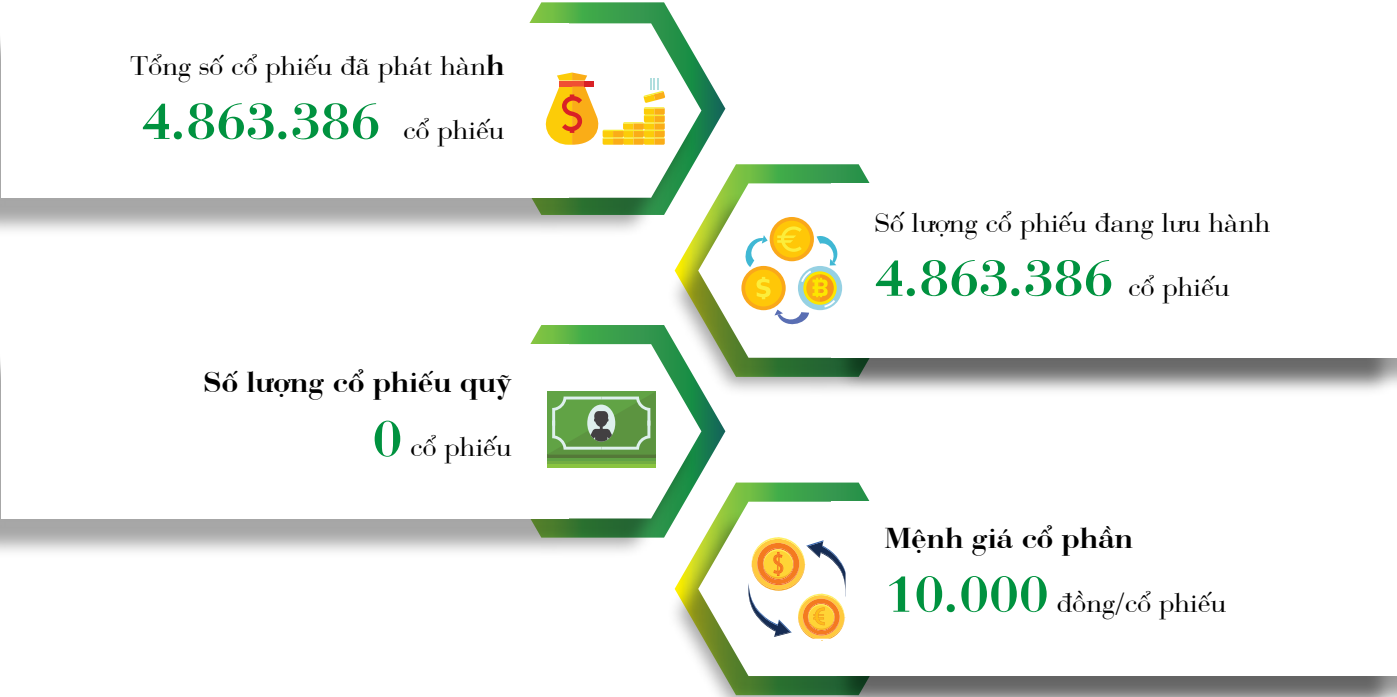
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Các chỉ số thể hiện khả năng sinh lời của Công ty trong năm 2021 vẫn ở mức âm. Cụ thể, ROS, ROE, ROA và hệ số lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh / doanh thu thuần của Công ty lần lượt là -9,33%; -38,7%; -13,9%; -9,77%. Trước diễn biến của nền kinh tế hiện tại, đa số các doanh nghiệp đều chủ trương cho cán bộ công nhân viên làm việc tại nhà kéo theo nhu cầu sử dụng vest giảm. Từ đó đã gây ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban lãnh đạo Công ty đã nỗ lực thích nghi với những đặc điểm của nền kinh tế hiện nay để đề ra những chính sách phù hợp, đưa Công ty trở lại vị thế vốn có.



TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Thông tin cổ phiếu



Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có
Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có
Các chứng khoán khác: Không có

Cơ cấu cổ đông (tính đến ngày 31/12/2021)

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông Nhà nước	3.161.201	31.612.010.000	65%
II	Cổ đông trong nước	1.702.185	17.021.850.000	35%
1	Cá nhân	1.672.185	16.721.850.000	34,38%
2	Tổ chức	30	300.000.000	0,62%
III	Cổ đông nước ngoài	-	-	-
Tổng cộng (I+II+III)		4.863.386	48.633.860.000	100%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 49%

(*) Tỷ lệ theo Thông báo Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa nộp tại VSD. AG1 sẽ thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật, ngay sau khi hoàn tất thông báo Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa và có công văn xác nhận từ UBCKNN.

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Từ khi cổ phần hóa đến nay, Công ty cổ phần 28.1 không thực hiện tăng vốn

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Bảo vệ môi trường luôn là mối quan tâm hàng đầu của Công ty cổ phần 28.1. Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt luật bảo vệ môi trường do Nhà nước ban hành đồng thời tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường làm việc của toàn thể cán bộ công nhân viên. Ngoài ra, người lao động còn được nâng cao ý thức, trách nhiệm trong việc thu gom, xử lý rác thải công nghiệp. Công ty đã xây dựng kế hoạch sử dụng nguyên vật liệu, phân bổ hợp lý các trang thiết bị trong hoạt động sản xuất để giảm bớt chất thải ra môi trường cộng đồng.

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Là một doanh nghiệp hoạt động sản xuất trong lĩnh vực may mặc thì việc quản lý nguyên vật liệu là công tác rất cần thiết đối với Công ty. Hiện nay, Công ty vẫn sử dụng nguồn lao động chính là con người vì vậy rất khó để kiểm soát lượng phế phẩm hoặc sản phẩm không đúng theo yêu cầu, gây tổn thất về chi phí cho Công ty. Trước rủi ro đó, Công ty luôn chủ động giám sát quy trình sản xuất, nghiên cứu và đưa ra định mức kinh tế kỹ thuật để giảm chi phí trong sản xuất.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Để phát triển đến ngày hôm nay, doanh nghiệp không chỉ tập trung tạo ra những sản phẩm chất lượng mà còn là sự đồng hành cùng khách hàng, cộng đồng trong mọi hoàn cảnh, từ đó tạo được sự tin tưởng trong lòng khách hàng. Công ty luôn chủ động và mong muốn được chia sẻ với những gia đình, địa phương đang gặp khó khăn trong cuộc sống. Tiếp tục nỗ lực vừa tăng trưởng kinh tế doanh nghiệp, vừa thúc đẩy sự phát triển bền vững của cộng đồng.

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, doanh nghiệp đã dần tạo được sự tin tưởng trong lòng khách hàng dựa trên nền tảng cộng đồng xã hội vững chắc. Nhờ vậy, Công ty luôn ý thức và chủ động chia sẻ, hỗ trợ tài chính trong khả năng có thể đối với những gia đình gặp hoàn cảnh khó khăn.

Báo cáo liên quan đến hoạt động thi trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:
Không có

TIÊU THỤ ĐIỆN VÀ NƯỚC

Là một công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các sản phẩm may mặc, nguồn điện năng thường được Công ty sử dụng trong hoạt động sản xuất cụ thể: vận hành các thiết bị, máy cắt vải, máy may, Nhận thức rõ được tầm quan trọng trong việc tiết kiệm năng lượng, Công ty thay thế các nguồn điện đã hư hỏng hoặc sử dụng công suất điện cao bằng các trang thiết bị hiện đại, ít hao tổn điện năng và thân thiện với môi trường. Đối với nguồn nước, Công ty cũng luôn tìm kiếm những giải pháp tiết kiệm nước và đưa ra sáng kiến sử dụng nguồn nước an toàn và hiệu quả. Nước thải ra trong quá trình sản xuất luôn được Công ty tái chế để sử dụng vào các mục đích khác như: vệ sinh công nghiệp, chăm sóc cây trồng, cảnh quan môi trường Thêm vào đó, người lao động luôn được Công ty tuyên truyền trong việc tiết kiệm nguồn năng lượng tiêu thụ nhằm nâng cao ý thức chung, tiết giảm chi phí cho Công ty.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt luật bảo vệ môi trường do Nhà nước ban hành, thực hiện chính sách nâng cao ý thức bảo vệ môi trường tại đơn vị cũng như môi trường chung của cán bộ công nhân viên và hoạt động tiết kiệm năng lượng. Đồng thời, quản lý tốt quá trình xử lý chất thải, đảm bảo tuân thủ đúng theo quy định của Luật bảo vệ môi trường cũng như xây kế hoạch sử dụng và quản lý nguồn nguyên phụ liệu tránh gây lãng phí.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty luôn đảm bảo thực hiện đầy đủ trích nộp Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp cho tất cả cán bộ công nhân viên. Ngoài ra, các hoạt động đoàn thể, khám sức khỏe định kỳ cũng được Công ty tổ chức đầy đủ, đảm bảo đời sống sức khỏe lẫn tinh thần cho người lao động. Công ty cổ phần 28.1 luôn đảm bảo thực hiện trách nhiệm trả lương đầy đủ và đúng hạn cho nhân viên, quan tâm và tổ chức thăm hỏi đối với các nhân viên bị ốm đau, có gia cảnh khó khăn.

03

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường
và xã hội của Công ty

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Thuận lợi

Công ty cổ phần 28.1 luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của Đảng ủy, Chỉ huy Tổng Công ty 28 về tìm kiếm nguồn hàng bổ sung và điều hành sản xuất cũng như hỗ trợ đảm bảo ổn định lương thưởng cho người lao động.

Trong tình hình khó khăn chung của các đơn vị ngành may, nhất là vào Quý III nền kinh tế của năm dương lịch 2021 Công ty đã đẩy mạnh công tác quản lý, thắt chặt việc kiểm soát mọi hoạt động từ sản xuất đến môi trường làm việc để đảm bảo tính an toàn sức khỏe và đảm bảo quá trình sản xuất luôn sử dụng được triệt để nguồn nguyên phụ liệu sẵn có, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh chung trong toàn đơn vị.

Công ty có thế mạnh truyền thống trong lĩnh vực may mặc quân trang Quốc phòng và may hàng xuất khẩu, với thiết bị công nghệ hiện đại được nhập từ các nước tiên tiến trên thế giới như: Nhật , Đức, Italia và Trung Quốc. Thương hiệu Công ty 28.1 đã có uy tín cao trong lĩnh vực may mặc ở Việt Nam và quốc tế, đã được các khách hàng trong và ngoài nước đánh giá cao.

Các hiệp định thương mại tự do ảnh hưởng đáng kể vào sự phát triển ngành dệt may như: Hiệp định thương mại tự do với các nước Châu Âu (EVFTA) có hiệu lực từ đầu năm 2018, kỳ vọng hỗ trợ kim ngạch xuất khẩu sang EU và thu hút vốn đầu tư vào lĩnh vực sản xuất dệt may.

Khó khăn

Kế hoạch sản xuất luôn bị động do nguồn hàng thay đổi, mỗi một chuyển phải sản xuất nhiều mặt hàng nhỏ lẻ cho năng suất thấp, chất lượng sản phẩm không đạt phải tái chế nhiều, giao hàng trễ, không đạt mục tiêu. Công tác điều độ sản xuất còn hạn chế, chưa theo kịp sự thay đổi sản xuất linh hoạt của khách hàng dẫn đến công tác chuẩn bị sản xuất chưa kịp thời, đồng bộ sản xuất còn bị động.

Công tác kỹ thuật hướng dẫn sản xuất còn chậm, sản phẩm chưa được nghiên cứu kỹ trước khi vào sản xuất, vẫn còn sai sót trong quá trình triển khai, hướng dẫn sản xuất.

Sự phối hợp giữa Kỹ thuật, Xưởng cắt, Xưởng May phục vụ sản xuất còn chậm, một số vị trí còn đùn đẩy trách nhiệm, thiếu hợp tác làm kéo dài thời gian xử lý các vướng mắc trong quá trình sản xuất làm ảnh hưởng đến năng suất.

Thiếu hụt người lao động có tay nghề do sự cạnh tranh, chính sách thu hút người lao động từ các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các doanh nghiệp may mặc lớn.

Những tiến bộ công ty đã đạt được

Công ty dần cải thiện công tác quản lý kế hoạch, kỹ thuật. Công ty chủ động định lượng, thực hiện kĩ càng khâu chuẩn bị sản xuất để sử dụng nguồn nguyên phụ liệu một cách hiệu quả, qua đó tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu.

Toàn thể người lao động Công ty cổ phần 28.1 đã thích ứng với sự thay đổi và linh hoạt về nguồn hàng, về phương thức quản lý.

Công ty đã thích nghi và hoạch định các chiến lược hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với đặc điểm tình hình thực tế.



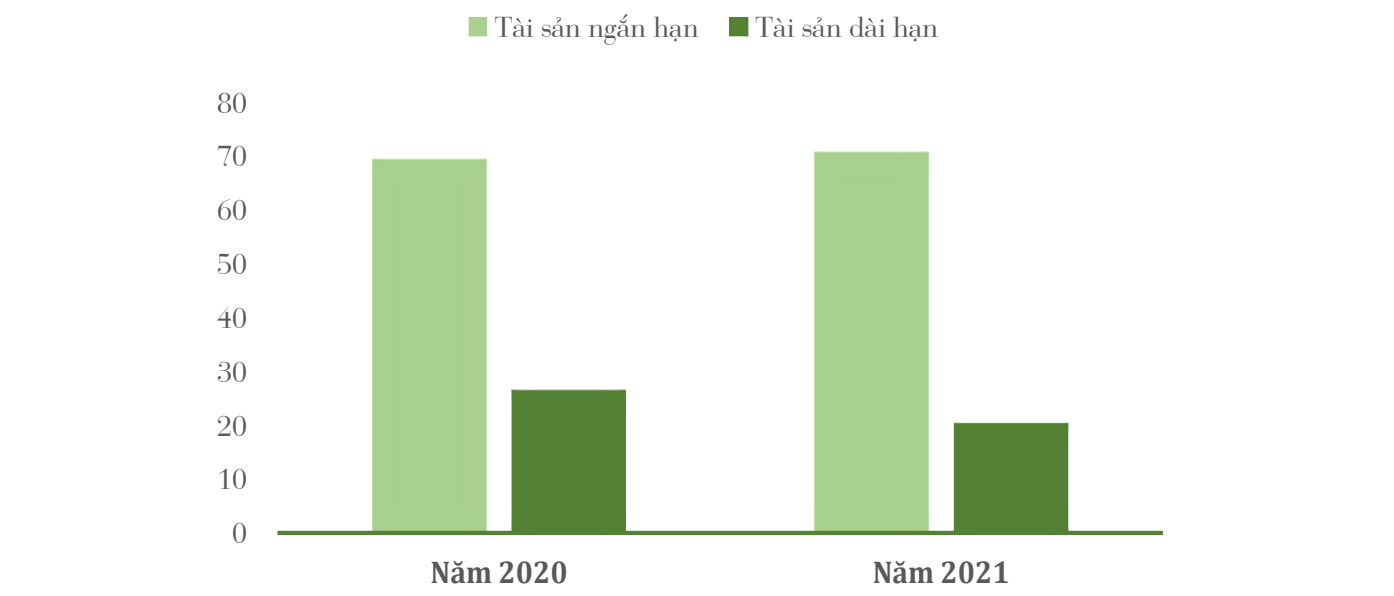
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Đvt: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	TH 2021/ TH 2020	Tỷ trọng năm 2020	Tỷ trọng năm 2021
Tài sản ngắn hạn	69.487	70.811	101,9%	72,29%	77,69%
Tài sản dài hạn	26.636	20.339	76,36%	27,71%	22,31%
Tổng tài sản	96.123	91.150	94,83%	100%	100%

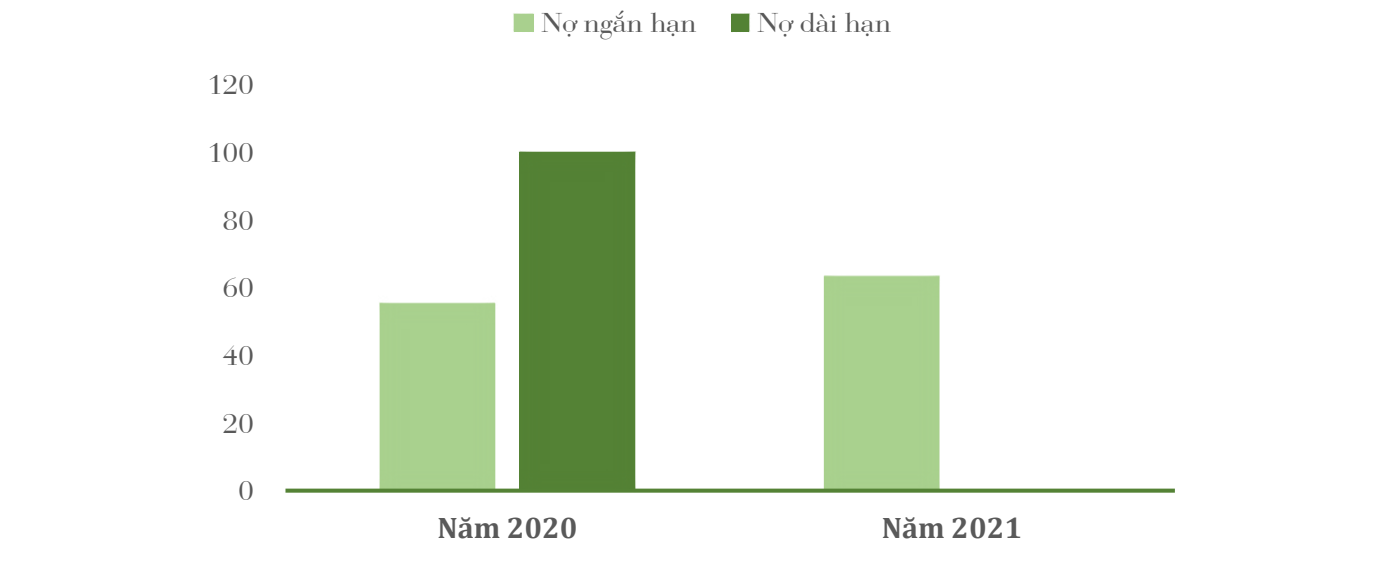
Tổng giá trị tài sản của Công ty trong năm 2021 là 91,15 tỷ đồng và có tỷ lệ là 94,83% so với tổng giá trị tài sản của Công ty ở năm 2020. Cụ thể hơn, tài sản ngắn hạn của Công ty tăng nhẹ ở khoảng 1,9% và không gây ảnh hưởng lớn tổng tài sản của Công ty. Bên cạnh đó, tài sản dài hạn của Công ty giảm, nguyên nhân là do trong năm 2021 Công ty không thực hiện việc đầu tư thêm vào tài sản của Công ty và các tài sản cố định vẫn đang trong thời gian khấu hao.



Đvt: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	TH 2021/ TH 2020	Tỷ trọng năm 2020	Tỷ trọng năm 2021
Nợ ngắn hạn	55.322	63.466	114,5	99,82%	100%
Nợ dài hạn	100	-	0%	0,18%	0%
Tổng nợ phải trả	55.422	63.466	114,51%	100%	100%

Khoản nợ dài hạn đã được Công ty cổ phần 28.1 tất toán nên tổng giá trị nợ phải trả của Công ty hầu hết là các khoản nợ ngắn hạn. Trong năm 2021, tổng nợ phải trả của AG1 tăng 14,51% so với năm 2020. Nguyên nhân là do trong năm 2021, sau khi thực hiện giãn cách xã hội, các doanh nghiệp dần thích nghi với trạng thái xã hội bình thường mới trở lại hoạt động sản xuất đã vấp phải sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường lao động, khiến cho chi phí nhân công bị đẩy lên cao. Sự biến động của nguồn lao động trong năm khiến cho Công ty tiêu tốn rất nhiều chi phí đào tạo nhưng không thu lại được lợi ích. Ban lãnh đạo Công ty đã ra các chính sách hấp dẫn người lao động và thực hiện nghiêm chỉnh, thắt chặt khâu tuyển dụng nhằm tiết kiệm chi phí, giảm khối lượng nợ của Công ty.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- » Tập trung tìm kiếm và mở rộng thị trường mục tiêu: chủ động tìm kiếm khách hàng mới trong nội địa cũng như quốc tế, từng bước giảm phụ thuộc của nhà máy vào một vài khách hàng truyền thống, nghiên cứu xây dựng Phương án kinh doanh thương mại trực tiếp từ nhà máy đến khách hàng cuối cùng (khách hàng trực tiếp sử dụng sản phẩm hình thức ODM).
- » Đa dạng hóa sản phẩm sản xuất: chuẩn bị tốt nguồn lực để sẵn sàng may các sản phẩm trái công nghệ: Veston nữ, Coat, hàng đồng phục, hàng bảo hộ và phát triển sản phẩm với mọi đối tượng khách hàng nam, nữ, trẻ em,
- » Tăng cường công tác dự báo, định hướng nguồn hàng, khách hàng để đảm bảo ổn định sản xuất của Công ty.
- » Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị của Công ty để đảm bảo sự phát triển bền vững.
- » Tập trung chính vào thực hiện chức năng giám sát của Công ty theo định hướng chiến lược hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

Đvt: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2021	KH 2022	KH 2022/TH 2021
1	Tổng doanh thu	140.691	250.800	178,26%
2	Lợi nhuận trước thuế	-13.018	50	-
3	Tỷ lệ chi trả cổ tức/VĐL	-	-	-

Với những dấu hiệu lạc quan của tình hình kinh tế Việt Nam trong giai đoạn cuối năm 2021 nói chung và ngành dệt may nói riêng, Ban Giám đốc xây dựng một số kế hoạch nhằm hoàn thành mục tiêu mà đại hội đã đề ra và giúp cải thiện tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2022:

Đẩy mạnh công tác quản lý, thắt chặt việc kiểm soát mọi hoạt động theo quy trình, đảm bảo đặt hàng và quá trình sản xuất luôn sử dụng được triệt để nguồn nguyên phụ liệu sẵn có, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh chung trong toàn đơn vị.

Tích cực học hỏi, cải tiến công nghệ, đào tạo đội ngũ lao động nâng cao tay nghề giúp đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu.

Giữ mối quan hệ thường xuyên với tất cả các khách hàng, nhà cung cấp thông qua việc thực hiện đúng những cam kết khi hợp tác. Ngoài ra, phải luôn chủ động tìm kiếm khách hàng mới cả trong nước lẫn nội địa nhằm đa dạng tệp khách hàng, tránh bị phụ thuộc.

Duy trì các chế độ, chính sách đãi ngộ tốt để khích lệ tinh thần làm việc của người lao động. Đồng thời đảm bảo người lao động thực hiện tốt công việc, đảm bảo chất lượng, tiến độ cho khách hàng.



Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

Công ty luôn chủ động tuyên truyền, nâng cao ý thức cán bộ công nhân viên trong việc giữ gìn vệ sinh môi trường làm việc. Công ty thực hiện giám sát, kiểm tra quy trình xử lý chất thải công nghiệp và áp dụng các hình phạt đối với những nhân viên làm trái nội quy, không đảm bảo vệ sinh chung. Thêm vào đó, Công ty cũng ký kết hợp đồng với các đối tác thu gom rác thải để xử lý rác thải công nghiệp kịp thời, không để tồn đọng. Ngoài ra, Công ty đẩy mạnh thực hiện công tác thay thế, sử dụng các nguồn điện năng hiện đại hơn và có công suất thấp hơn nhằm tiết kiệm chi phí, tiết giảm lượng tiêu thụ nhiên liệu. Công ty cổ phần 28.1 luôn đảm bảo giữ gìn vệ sinh môi trường cộng đồng từ đó xây dựng định hướng phát triển bền vững với mục tiêu: phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phải gắn với nhiệm vụ thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ tài nguyên môi trường.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Mục tiêu cốt lõi của doanh nghiệp hướng đến là giá trị mà doanh nghiệp mang lại cho cộng đồng. Công ty luôn ý thức và chủ động chia sẻ, hỗ trợ tài chính trong khả năng đối với những gia cảnh khó khăn do dịch Covid.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Nguồn nhân lực là giá trị cốt lõi của Công ty, đóng vai trò quan trọng để Công ty phát triển bền vững. Công ty luôn tổ chức thăm hỏi, quan tâm đến vấn đề sức khỏe của toàn thể nhân viên từ đó có thể hỗ trợ kịp thời cho đời sống của người lao động. Bên cạnh đó, Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho người lao động, tổ chức các hoạt động đoàn thể, hoạt động ngoài trời nhằm tạo cơ hội cho nhân viên gắn kết với nhau hơn từ đó đẩy mạnh hiệu quả làm việc. Đối với việc trích nộp các khoản bảo hiểm và thực hiện trách nhiệm trả lương đúng hạn cho nhân viên cũng được Công ty đảm bảo thực hiện đúng với những gì đã cam kết đối với người lao động. Ngoài ra, Công ty luôn tạo điều kiện hỗ trợ cho nhân viên có cơ hội tham gia các khóa học nâng cao tay nghề để đáp ứng mức độ hoàn thiện tính mỹ thuật kỹ thuật của sản phẩm mà Công ty đề ra.

Công ty luôn thực hiện biểu biên chế tổ chức đúng hướng dẫn và tiêu chuẩn dựa trên đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ, trong năm Công ty đã tổ chức đào tạo với chi phí cao dành cho các lớp đào tạo chuyển đổi công nghệ sản xuất cho công nhân, đào tạo công nhân mới, đào tạo thi nâng bậc tay nghề và đào tạo nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho khối gián tiếp nhưng biến động nguồn nhân lực vẫn còn cao.

Ban lãnh đạo Công ty cổ phần 28.1 hiện đã chú trọng xây dựng các chính sách giữ chân người lao động, nâng mức thưởng năng suất, chuyên cần.



04

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của
Công ty

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc
Công ty

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đối với hoạt động kinh doanh

Với tình hình kinh tế, chính trị, dịch bệnh trên thế giới và trong khu vực vẫn diễn biến phức tạp, kinh tế thế giới chưa hồi phục, các khách hàng truyền thống của Công ty có xu hướng giảm sản lượng, giảm giá và thay đổi phương thức sản xuất từ FOB sang CMPT gây nên những tác động tiêu cực đến kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2021. Mặc dù vậy, Công ty vẫn nỗ lực tìm kiếm các đơn hàng, duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, thích nghi với điều kiện kinh tế mới và xu thế thị trường đang dần thay đổi.

Đối với tình hình nhân sự

Thực hiện các chế độ, chính sách đầy đủ, đúng quy định cho người lao động như đóng nộp Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, chi trả lương hàng tháng kịp thời đầy đủ. Các chế độ phúc lợi khác luôn được đảm bảo, duy trì, giải quyết các chế độ chính sách cho người lao động nghỉ hưu, nghỉ việc, ốm đau, bệnh tật, được thực hiện kịp thời, đầy đủ, chính xác, đảm bảo mọi quyền lợi cho người lao động. Bên cạnh đó, Công ty còn chú trọng công tác đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ lao động, giúp họ bắt kịp với những thay đổi nhanh chóng của công nghệ, tăng năng suất hiệu quả công việc.

Đối với tình hình tài chính

Với tình hình dịch bệnh Covid-19 bùng phát mạnh trong cả quý III/2021 gây đứt gãy chuỗi cung ứng, hoạt động kinh tế gặp nhiều khó khăn. Nhưng với năng lực và tinh thần trách nhiệm của Ban lãnh đạo, Công ty đã có những kế hoạch, biện pháp khắc phục, đối phó với tình hình dịch bệnh chung của cả nước, duy trì hoạt động kinh doanh. Tình hình tài chính của Công ty trong năm 2021 vẫn được đảm bảo, Công ty vẫn kiểm soát tốt các chi phí và cơ cấu tài sản, nguồn vốn của mình

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Đại dịch Covid-19 đã và đang gây ra vô vàn khó khăn cho các doanh nghiệp trong quá trình duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh. Ban điều hành đã theo sát tình hình dịch bệnh để có những phương án tối ưu giúp doanh nghiệp vận hành vượt qua giai đoạn khó khăn này và nắm bắt những cơ hội trong thời gian tới. Ban điều hành đã thực hiện đúng và đủ những chỉ đạo theo Nghị quyết Hội đồng quản trị ban hành, đảm bảo thực hiện theo kế hoạch đã đề ra. Bên cạnh đó, Ban điều hành còn đề xuất các kế hoạch về cải thiện công tác quản lý, chiến lược phát triển Công ty, giữ chân người lao động, nhằm giúp Công ty phát triển bền vững.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2021, trong bối cảnh dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến nhiều phức tạp, ảnh hưởng trực tiếp đến khách hàng, nguồn hàng của Công ty, HĐQT dự kiến đề ra kế hoạch hoạt động trong năm 2022 như sau:

- » Tăng cường công tác dự báo, định hướng nguồn hàng, khách hàng để đảm bảo ổn định sản xuất của Công ty. Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị của Công ty để đảm bảo sự phát triển bền vững. Tập trung chính vào thực hiện chức năng giám sát của Công ty theo định hướng chiến lược hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đảm bảo thực hiện hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty; Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.
- » Định kỳ tổ chức các phiên họp tối thiểu 3 tháng một lần, tổ chức các cuộc họp bất thường (nếu có) để giải quyết các công việc phát sinh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị sẽ nghe báo cáo tổng quát về việc thực hiện các nhiệm vụ, ý kiến đề xuất của Công ty, thảo luận và quyết định thông qua các biện pháp, giải quyết các vấn đề phát sinh của Công ty.
- » Trên cơ sở Quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục cụ thể hoá Nghị quyết thành các mục tiêu, kế hoạch theo quý, theo 6 tháng, đồng thời, chỉ đạo Ban điều hành thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.
- » Năm 2022, Hội đồng quản trị sẽ nỗ lực cùng Ban giám đốc Công ty, người lao động tận dụng những thuận lợi, vượt qua mọi khó khăn thách thức để giữ vững sự phát triển bền vững của Công ty, thực hiện tốt các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra.



05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

**Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành phần và cơ cấu HĐQT (Tính tại thời điểm 31/12/2021)

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu và đại diện sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Trường Sơn	Chủ tịch HĐQT	1.264.480	26%
2	Nguyễn Quyết Thắng	Phó Chủ tịch HĐQT	948.360	19,5%
3	Nguyễn Vĩnh Long	Thành viên HĐQT	100.300	2,06%
4	Nguyễn Văn Tài	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	10.000	0,21%
5	Vũ Sỹ Nam	Thành viên HĐQT	158.061	3,25%

ÔNG: NGUYỄN TRƯỜNG SƠN

Chủ tịch HĐQT

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:

Đại diện sở hữu: 1.264.480 CP, chiếm 26%VDL

Cá nhân sở hữu: 0 CP, chiếm 0%VDL

Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các Công ty khác: Không có

Chức danh quản lý nắm giữ tại các Công ty khác: Không có

ÔNG: NGUYỄN QUYẾT THẮNG

Phó chủ tịch HĐQT

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:

Đại diện sở hữu: 948.360 CP, chiếm 19,5%VDL

Cá nhân sở hữu: 0 CP, chiếm 0%VDL

Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các Công ty khác: Không có

Chức danh quản lý nắm giữ tại các Công ty khác: Không có

ÔNG: NGUYỄN VINH LONG

Thành viên HĐQT

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:

Đại diện sở hữu: 0 CP, chiếm 0%VDL

Cá nhân sở hữu: 100.300 CP, chiếm 2,06%VDL

Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các Công ty khác: Không có

Chức danh quản lý nắm giữ tại các Công ty khác: Không có

ÔNG: NGUYỄN VĂN TÀI

Thành viên HĐQT

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:

Đại diện sở hữu: 0 CP, chiếm 0%VDL

Cá nhân sở hữu: 10.000 CP, chiếm 0,21%VDL

Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các Công ty khác: Không có

Chức danh quản lý nắm giữ tại các Công ty khác: Không có

ÔNG: VŨ SỸ NAM

Thành viên HĐQT

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:

Đại diện sở hữu: 158.061 CP, chiếm 3,25%VDL

Cá nhân sở hữu: 0 CP, chiếm 0%VDL

Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các Công ty khác: Không có

Chức danh quản lý nắm giữ tại các Công ty khác: Không có

Danh sách thay đổi thành viên HĐQT trong năm

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Huỳnh Thanh Điền	Thành viên HĐQT		5/21/2021
2	Vũ Sỹ Nam	Thành viên HĐQT	5/21/2021	

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

Hoạt động của Hội đồng quản trị

» Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm

Năm 2021 là một năm Công ty thực hiện sản xuất kinh doanh chưa tốt trong khi lĩnh vực xuất nhập khẩu đầy biến động, ngành may công nghiệp bị ảnh hưởng tiêu cực nặng nề. Hội đồng quản trị đã nỗ lực rất nhiều trong nhiệm vụ đảm bảo thực hiện các Nghị Quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã đề ra.

Hội đồng quản trị Công ty đã hoạt động theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ Công ty; Quyết định phân công nhiệm vụ cụ thể thành viên Hội đồng quản trị; tổ chức họp Hội đồng quản trị định kỳ; Thực hiện giám sát và đánh giá theo từng quý để đảm bảo Ban điều hành thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh đúng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra trong năm.

» Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Giám đốc

Hội đồng quản trị giám sát chặt chẽ quá trình điều hành sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc nhằm đảm bảo các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đúng định hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Tăng cường chỉ đạo, giám sát thường xuyên việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Luôn đảm bảo thực hiện công bố thông tin theo quy định, tuân thủ đúng pháp luật và theo Điều lệ Công ty.

Số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Nguyễn Trường Sơn	Chủ tịch HĐQT	5/5	100%
2	Nguyễn Quyết Thắng	Phó Chủ tịch HĐQT	5/5	100%
3	Nguyễn Vĩnh Long	Thành viên HĐQT	5/5	100%
4	Nguyễn Văn Tài	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	5/5	100%
5	Vũ Sỹ Nam	Thành viên HĐQT	5/5	100%

Nội dung và kết quả của các cuộc họp

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã tổ chức 5 phiên họp. Nội dung các phiên họp, trao đổi tập trung vào những vấn đề sau:

1. Phiên họp lần thứ 1 Tổ chức ngày 31/03/2021

Nội dung:

- » Thông qua kế hoạch tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.
- » Phân công nhiệm vụ trong Ban Giám đốc chi tiết.

2. Phiên họp lần thứ 2 Tổ chức ngày 28/04/2021

Nội dung: Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh trong tháng 4/2021 và lên kế hoạch phân công tháng 5/2021.

3. Phiên họp lần thứ 3 Tổ chức ngày 22/06/2021

Nội dung:

- » Thông qua nội dung tái ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Quân đội Chi nhánh Bắc Sài Gòn
- » Công tác nhân sự phòng kỹ thuật
- » Nội dung các báo cáo chuẩn bị báo cáo Chủ tịch Tổng Công ty về tình hình Kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng cuối năm và chiến lược những năm sắp tới.

4. Phiên họp lần thứ 4 Tổ chức ngày 15/10/2021

Nội dung:

- » Ban GD báo cáo kế hoạch xử lý các tồn đọng theo kết luận tại cuộc họp của tổ giám sát đặc biệt ngày 12/10/2021
- » Báo cáo công tác xây dựng chiến lược Công ty 5 năm 2021-2025
- » Định hướng xây dựng kế hoạch SXKD năm 2022.

5. Phiên họp lần thứ 5 Tổ chức ngày 10/11/2021

Nội dung:

- » Ban điều hành Công ty cổ phần 28.1 báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh Tháng 10, kế hoạch sản xuất kinh doanh Tháng 11 và Quý IV; ước Thực hiện năm 2021; Kế hoạch năm 2022.
- » Nghe báo cáo kết quả hoạt động của 2 Tổ thu hồi công nợ và Tổ xử lý hàng tồn kho.
- » Nghe báo cáo công tác nhân sự Phòng Kỹ thuật, Phân xưởng May.

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có

Đào tạo về quản trị công ty: Không có

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu và đại diện sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Hữu Phước	Trưởng Ban	-	-
2	Nguyễn Thanh Định	Thành viên	-	-
3	Trần Thị Mỹ	Thành viên	-	-

Danh sách thay đổi thành viên BKS trong năm: không có

Hoạt động của Ban kiểm soát

Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát trong năm:

Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành:

- » Qua quá trình giám sát các hoạt động quản trị, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc. Ban kiểm soát không thấy điều gì bất thường trong các hoạt động quản trị và điều hành Công ty.
- » Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã phản ánh đầy đủ, trung thực các hoạt động cũng như chỉ đạo điều hành hoạt động của Công ty, các văn bản, nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, nêu rõ những khó khăn tác động, những kết quả đạt được, đồng thời nêu rõ những vấn đề tồn tại cần khắc phục và đề ra các giải pháp thực hiện trong năm 2021. Ban kiểm soát thống nhất với Báo cáo đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc về các mặt của Công ty.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- » Thường xuyên thực hiện giám sát hoạt động của HĐQT; giám sát công tác điều hành SXKD cũng như thực hiện công tác tài chính của Ban điều hành thông qua việc tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của HĐQT, Ban điều hành;
- » Định kỳ kiểm tra các Quyết định nội bộ, đảm bảo các Quyết định, Nghị quyết đi đúng định hướng của ĐHCĐ và tuân thủ đúng Pháp luật;
- » HĐQT và Ban điều hành đã tuân thủ đúng các Quy định về hoạt động trong Quy chế, Điều lệ Công ty cũng như các quy định Pháp Luật.

Số lượng các cuộc họp Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Nguyễn Hữu Phước	Trưởng Ban	04/04	100%
2	Nguyễn Thanh Định	Thành viên	04/04	100%
3	Trần Thị Mỹ	Thành viên	04/04	100%

Nội dung và kết quả của các cuộc họp

Trong năm 2021, Ban kiểm soát đã tổ chức 04 phiên họp. Nội dung các phiên họp, trao đổi tập trung vào những vấn đề sau:

- » Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Ban kiểm soát;
- » Lập kế hoạch hoạt động kiểm tra trong năm 2021;
- » Kiểm tra, theo dõi và giám sát việc quản lý điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- » Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp hồ sơ chứng từ kế toán và báo cáo tài chính theo quý, năm 2021.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Đvt: Đồng			
STT	Họ và tên	Thu nhập	Thù lao
1	Hội đồng Quản trị	587.231.807	57.580.000
	Nguyễn Trường Sơn	-	14.580.000
	Nguyễn Quyết Thắng	-	12.000.000
	Nguyễn Vĩnh Long	360.114.074	12.000.000
	Nguyễn Văn Tài	-	12.000.000
2	Vũ Sỹ Nam	227.117.733	7.000.000
	Ban Điều hành	-	-
	Trần Doãn Thoan	-	-
	Nguyễn Thiện	-	-
	Nguyễn Văn Tài	-	-
3	Tăng Hùng	-	-
	Ban Kiểm soát	-	12.000.000
	Nguyễn Hữu Phước	-	6.000.000
	Nguyễn Thanh Định	-	3.000.000
	Trần Thị Mỹ	-	3.000.000

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Văn Tài	Người nội bộ: Thành viên Hội đồng quản trị-Phó Giám đốc công ty CP 28.1	100.800	2,07%	10.000	0,2%	Bán
2	Nguyễn Hữu Phước	Người nội bộ: Trưởng Ban kiểm soát	60.400	1,24%	0	0%	Bán
3	Trần Thị Mỹ	Người nội bộ: Thành viên Ban Kiểm soát	30.000	0,62%	0	0%	Bán

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với Công ty	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Công ty TNHH MTV Tổng công ty 28	Công ty mẹ	300516772	Số 3 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	Năm 2021	Mua hàng hóa: 3.147.487.915
2	Công ty cổ phần 28 Đà Nẵng	Công ty cùng tập đoàn	304753615	168 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	Năm 2021	Mua hàng: 4.289.308

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT



Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

- » Việc quản trị Công ty luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, Điều lệ, Quy chế nội bộ nhằm đảm bảo Công ty được vận hành suôn sẻ; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích chung của công ty nói chung và của các cổ đông nói riêng; tạo mọi điều kiện cho việc giám sát hoạt động của công ty một cách hiệu quả.
- » Công ty cổ phần 28.1 đã tiếp tục rà soát và nâng cao năng lực của hệ thống quản trị, hướng tới các mục tiêu chính là: hoàn thiện toàn bộ hệ thống quản trị hướng tới các thông lệ quản trị tốt nhất trên thị trường; tối ưu hóa các công cụ quản trị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng năng suất lao động. Theo đó, Công ty có thể tận dụng được tối đa các nguồn lực trong công ty. Cụ thể, trong năm 2021, HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã phối hợp chặt chẽ xây dựng bộ tài liệu phục vụ công tác quản trị Doanh nghiệp bao gồm: Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát theo hướng dẫn tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

- » Ngoài ra, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác được cử đi tham gia các Hội thảo trực tuyến/trực tiếp về quản trị công ty cho các công ty đại chúng do UBCKNN, Sở Giao dịch Chứng khoán tổ chức nhằm tiếp cận những hướng quản trị mới, hiệu quả hơn. Nhờ đó mà Ban Lãnh đạo Công ty có thể cập nhật đầy đủ, chính xác các văn bản hướng dẫn Luật mới của UBCKNN và Sở Giao dịch Chứng khoán, cũng như nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn tiềm năng của thị trường, tối ưu hóa việc sử dụng nguồn vốn, tạo dựng niềm tin của nhà đầu tư đối với Công ty cổ phần 28.1.

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính kiểm toán



CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần 28.1 ("Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Trường Sơn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quyết Thắng	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Tài	Thành viên
Ông Huỳnh Thanh Điền	Thành viên (miễn nhiệm ngày 21/05/2021)
Ông Nguyễn Vĩnh Long	Thành viên
Ông Võ Sỹ Nam	Thành viên (bổ nhiệm ngày 21/05/2021)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Vĩnh Long	Giám đốc
Ông Võ Sỹ Nam	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1/4/2021)
Ông Nguyễn Văn Tài	Phó Giám đốc

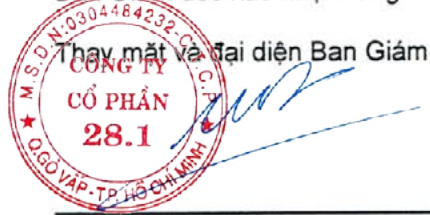
TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.



Nguyễn Vĩnh Long
Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2022



Cong ty TNHH Kiểm toán An Việt
Tầng 12, tòa nhà 167 Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
W www.anvietcpa.com T (84-24) 6278 2904
E anviet@anvietcpa.com F (84-24) 6278 2905

Số: 31 /2022/BCKT-AVI-TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần 28.1

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần 28.1 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28/02/2022 và được trình bày từ trang số 05 đến trang số 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần 28.1 tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác. Tại Báo cáo kiểm toán số 21003/TC-VAE-HCM ngày 04/03/2021, kiểm toán viên đưa ra ý kiến ngoại trừ liên quan đến số dư các khoản công nợ phải trả chưa có đủ xác nhận và không đánh giá được giá trị thuần của số dư hàng tồn kho để làm cơ sở trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Vấn đề này đã được xử lý trong năm 2021.



Vũ Bình Minh
Giám đốc
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0034-2018-055-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2022

Tạ Thị Thắm
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 3676-2021-055-1

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU SỐ B01- DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		70.810.790.648	69.487.390.806
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		8.370.695.514	6.224.763.750
1. Tiền	111	5	8.370.695.514	6.224.763.750
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.751.028.079	14.037.655.327
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	15.440.845.168	13.388.899.275
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		569.183.668	233.095.436
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	382.401.243	415.660.616
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(641.402.000)	-
III. Hàng tồn kho	140	8	46.606.689.705	46.681.400.889
1. Hàng tồn kho	141		47.302.561.347	46.681.400.889
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(695.871.642)	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		82.377.350	2.543.570.840
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	82.377.350	112.696.505
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	2.430.874.335
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		20.338.759.915	26.635.960.184
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.000.000	40.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	10.000.000	40.000.000
II. Tài sản cố định	220		18.606.785.263	24.699.285.901
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	18.606.785.263	24.699.285.901
- Nguyên giá	222		90.498.955.271	90.525.788.605
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(71.892.170.008)	(65.826.502.704)
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.721.974.652	1.896.674.283
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	1.721.974.652	1.896.674.283
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		91.149.550.563	96.123.350.990

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU SỐ B01 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		63.466.346.319	55.422.470.954
I. Nợ ngắn hạn	310		63.466.346.319	55.322.470.954
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	30.599.819.703	16.762.502.977
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	5.517.756.651	13.355.532.534
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	318.467.189	6.993.932
4. Phải trả người lao động	314		4.289.056.782	6.449.354.654
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		60.000.000	63.400.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	2.619.540.144	1.661.694.911
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	13	19.908.055.991	15.382.945.936
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		153.649.859	1.640.046.010
II. Nợ dài hạn	330		-	100.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337		-	100.000.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		27.683.204.244	40.700.880.036
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	27.683.204.244	40.700.880.036
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		48.633.860.000	48.633.860.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		48.633.860.000	48.633.860.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.135.257.619	1.135.257.619
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(22.085.913.375)	(9.068.237.583)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(9.068.237.583)	209.684.979
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(13.017.675.792)	(9.277.922.562)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		91.149.550.563	96.123.350.990

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Người lập



Lê Thị Oanh

Kế toán trưởng



Lê Mai Dung

Giám đốc



Nguyễn Vĩnh Long



CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

MẪU SỐ B02- DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	139.538.707.848	144.558.355.868
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	-	261.188.642
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	19	139.538.707.848	144.297.167.226
4. Giá vốn hàng bán	11	20	133.273.749.396	130.875.789.304
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.264.958.452	13.421.377.922
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	526.489.551	768.525.707
7. Chi phí tài chính	22	22	1.701.724.985	883.394.623
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.125.536.412	690.799.343
8. Chi phí bán hàng	25	23	1.973.725.564	2.924.130.903
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	16.744.766.498	19.643.773.170
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(13.628.769.044)	(9.261.395.067)
11. Thu nhập khác	31	24	625.369.052	2.006.333.492
12. Chi phí khác	32	25	14.275.800	2.022.860.987
13. Lợi nhuận khác	40		611.093.252	(16.527.495)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(13.017.675.792)	(9.277.922.562)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(13.017.675.792)	(9.277.922.562)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	(2.677)	(1.908)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Người lập



Lê Thị Oanh

Kế toán trưởng



Lê Mai Dung

Giám đốc



Nguyễn Vĩnh Long



CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

MẪU SỐ B03 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2021	Năm 2020
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(13.017.675.792)	(9.277.922.562)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	6.123.000.638	6.586.012.549
- Các khoản dự phòng	03	1.337.273.642	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	110.784.167	(8.935.417)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.154.831)	(2.260.304)
- Chi phí lãi vay	06	1.125.536.412	690.799.343
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(4.322.235.764)	(2.012.306.391)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	146.413.914	12.082.205.089
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(621.160.458)	4.908.206.865
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	4.711.811.194	2.069.545.098
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	205.018.786	(278.569.355)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.125.536.412)	(690.799.343)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(14.501.095)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.486.396.151)	(618.980.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.492.084.891)	15.444.800.868
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(30.500.000)	(180.664.000)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.154.831	2.260.304
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(29.345.169)	(178.403.696)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	57.927.429.335	32.012.955.006
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(53.292.147.533)	(37.876.543.211)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(5.836.063.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	4.635.281.802	(11.699.651.405)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	2.113.851.742	3.566.745.767
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	6.224.763.750	2.666.338.252
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	32.080.022	(8.320.269)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	8.370.695.514	6.224.763.750

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Hồng Thuý

Lê Mai Dung

Nguyễn Vĩnh Long

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần 28.1 (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV 28.1 theo Quyết định số 2103/QĐ-BQP ngày 04/06/2015 của Bộ Quốc phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304484232, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 08 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 26 tháng 08 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 48.633.860.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại số 3 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 476 người (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 596 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất hàng may mặc (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, đan);
- Mua bán hàng may mặc;
- Mua bán nguyên phụ liệu ngành may;
- Lưu giữ hàng hóa, cho thuê kho bãi.

1.2. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đang thể hiện Công ty gặp một số khó khăn về tình hình tài chính, thể hiện: kết quả kinh doanh trong năm 2021 tiếp tục lỗ khoảng 13 tỷ đồng dẫn đến số lỗ lũy kế tại ngày 31/12/2021 khoảng 22,085 tỷ đồng (chiếm khoảng 45,41% vốn góp của chủ sở hữu), dòng tiền cho hoạt động kinh doanh năm 2021 bị âm. Thị trường của Công ty trong năm 2021 tiếp tục bị ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19; tuy nhiên sang năm 2022 với sự bao phủ của việc tiêm vắc xin, Chính phủ nhiều nước dỡ bỏ các lệnh hạn chế đi lại, thị trường của Công ty đang dần phục hồi. Ban Giám đốc tin tưởng rằng tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty sẽ tốt lên trong thời gian tới và không ảnh hưởng tới tính hoạt động liên tục của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

4.2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ.

4.4. Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

4.5. Chuyển đổi ngoại tệ

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh hoặc tỷ giá ghi sổ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái, số dư khoản mục này được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

4.6. Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo yêu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu của khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo nguyên tắc như trình bày tại thuyết minh số 4.4.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc niên độ kế toán, được trích lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định được áp dụng như sau:

	Năm
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định khác	03 - 07

4.9. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu; mượn tài sản; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là phải trả dài hạn hoặc ngắn hạn và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo nguyên tắc như trình bày tại thuyết minh số 4.4.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về lãi tiền vay phải trả và số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

4.11. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản đi vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ. Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

4.12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng từ 12 tháng trở xuống.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì số chi phí đi vay được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.13. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu của dịch vụ trong từng kỳ thường được thực hiện theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành. Theo phương pháp này, doanh thu được ghi nhận trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ phần công việc đã hoàn thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH MẪU SỐ B09 - DN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi tiền gửi; cổ tức, lợi nhuận được chia (nếu có); lãi chênh lệch tỷ giá... Cụ thể như sau:

- (a) Lãi tiền gửi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ;
- (b) Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận theo thông báo của bên chia cổ tức, lợi nhuận;
- (c) Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.14. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính, khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các thu nhập không chịu thuế hoặc chi phí không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH MẪU SỐ B09 - DN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4.15. Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tổng công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

5. TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	27.522.198	135.327
Tiền gửi ngân hàng	8.343.173.316	6.224.628.423
Cộng	8.370.695.514	6.224.763.750

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	611.410.900	-
Công ty Kinh doanh thời trang - Công ty TNHH MTV Tổng công ty 28	470.319.100	-
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Tổng Công Ty 28	141.091.800	-
Phải thu khách hàng khác	14.829.434.268	13.388.899.275
Levertex Company Ltd	-	3.371.608.302
Công ty Cổ phần Thời trang Kowil VN S	2.402.326.850	1.919.601.750
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Travali	1.139.300.500	1.839.300.500
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Ngân Hà	2.386.774.200	1.541.078.000
Itochu Prominent USA LLC	5.215.492.334	-
Các khách hàng khác	3.685.540.384	4.717.310.723
Cộng	15.440.845.168	13.388.899.275

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH MÃ SỐ B09 - DN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	382.401.243	-	415.660.616	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 (Bên liên quan)	352.690.901	-	409.658.077	-
Các khoản khác	29.710.342	-	6.002.539	-
Dài hạn	10.000.000	-	40.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	10.000.000	-	40.000.000	-
Cộng	392.401.243	-	455.660.616	-

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi trên đường	789.142.108	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	20.855.317.488	(425.234.372)	10.017.004.618	-
Phụ tùng thay thế	96.211.659	-	19.114.315	-
Công cụ, dụng cụ	16.366.727	-	9.830.144	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.901.495.439	-	2.446.831.770	-
Thành phẩm	19.637.477.991	(270.637.270)	33.949.015.042	-
Hàng hoá	6.549.935	-	239.605.000	-
Hàng gửi bán	-	-	-	-
Cộng	47.302.561.347	(695.871.642)	46.681.400.889	-

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Ngắn hạn	82.377.350	112.696.505
Công cụ dụng cụ	-	37.592.005
Chi phí sửa chữa	82.377.350	75.104.500
Dài hạn	1.721.974.652	1.896.674.283
Công cụ dụng cụ xuất dùng	674.586.659	614.020.920
Chi phí sửa chữa tài sản	1.047.387.993	1.282.653.363
Cộng	1.804.352.002	2.009.370.788

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH MÃ SỐ B09 - DN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. NỢ XẤU

	31/12/2021				01/01/2021			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Namy	1-2 năm	193.504.000	96.752.000	96.752.000	6 tháng - 1 năm	273.504.000	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ thương mại Travali	1-2 năm	1.139.300.500	594.650.500	544.650.000	6 tháng - 1 năm	1.839.300.500	-	-
Cộng		1.332.804.500	691.402.500	641.402.000		2.112.804.500	-	-

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	TSCĐ khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2021	26.257.141.171	58.765.591.165	2.184.247.890	340.536.200	2.978.272.179	90.525.788.605
Mua trong năm	-	30.500.000	-	-	-	30.500.000
Giảm khác	-	(57.333.334)	-	-	-	(57.333.334)
Tại ngày 31/12/2021	26.257.141.171	58.738.757.831	2.184.247.890	340.536.200	2.978.272.179	90.498.955.271
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2021	18.170.238.829	43.156.402.969	1.422.163.619	340.536.200	2.737.161.087	65.826.502.704
Khấu hao trong năm	669.237.447	5.159.731.955	156.253.452	-	137.777.784	6.123.000.638
Giảm khác	-	(57.333.334)	-	-	-	(57.333.334)
Tại ngày 31/12/2021	18.839.476.276	48.258.801.590	1.578.417.071	340.536.200	2.874.938.871	71.892.170.008
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2021	8.086.902.342	15.609.188.196	762.084.271	-	241.111.092	24.699.285.901
Tại ngày 31/12/2021	7.417.664.895	10.479.956.241	605.830.819	-	103.333.308	18.606.785.263
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng	224.405.650	23.456.088.184	773.129.345	340.536.200	1.858.272.179	26.652.431.558

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Prominent (Europe) Ltd	3.075.984.443	3.075.984.443	3.292.309.434	3.292.309.434
Lever Apparel Limited	16.597.738.086	16.597.738.086	2.987.395.154	2.987.395.154
Leververtex Co, Ltd	2.132.242.597	2.132.242.597	2.936.011.039	2.936.011.039
Công ty Cổ phần Kết nối Thời trang	2.605.093.552	2.605.093.552	2.551.672.200	2.551.672.200
Các nhà cung cấp khác	6.188.761.025	6.188.761.025	4.995.115.150	4.995.115.150
Cộng	30.599.819.703	30.599.819.703	16.762.502.977	16.762.502.977

13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn	15.382.945.936	15.382.945.936	58.031.543.557	53.506.433.502	19.908.055.991	19.908.055.991
Cộng	15.382.945.936	15.382.945.936	58.031.543.557	53.506.433.502	19.908.055.991	19.908.055.991

Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 31391.21.201.150496.TD ngày 9/7/2021 với hạn mức tín dụng là 20 tỷ đồng. Mục đích vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh may mặc của khách hàng, thời hạn cấp hạn mức tín dụng đến hết ngày 04/06/2022. Tài sản đảm bảo của khoản vay là tiền ký quỹ, hợp đồng tiền gửi, thẻ tiết kiệm, giấy tờ có giá do MB phát hành, trái phiếu chính phủ và tín phiếu kho bạc; hợp đồng tiền gửi, thẻ tiết kiệm do tổ chức tín dụng khác phát hành; bất động sản, phương tiện vận tải; toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển bao gồm nguyên vật liệu, thành phẩm, bán thành phẩm tại địa chỉ kho số 03 đường Nguyễn Oanh, Phường 10, quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của đơn vị; và quyền đòi nợ hình thành từ hoạt động kinh doanh của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Itochu Prominent USA LLC	-	8.382.656.799
Prominenr (Europe) Ltd	1.600.249.031	4.107.153.735
APG & CO., PTY LTD	3.779.033.579	-
Các khách hàng khác	138.474.041	865.722.000
Cộng	5.517.756.651	13.355.532.534

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2021
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	1.214.840.030	944.169.920	270.670.110
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	408.739.442	408.739.442	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	215.063.226	215.063.226	-
Thuế thu nhập cá nhân	6.993.932	83.380.312	42.577.165	47.797.079
Các khoản thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	6.993.932	1.925.023.010	1.613.549.753	318.467.189

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	2.619.540.144	1.661.694.911
Kinh phí công đoàn	964.614.788	977.988.764
Các khoản bảo hiểm	596.580.330	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	395.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	663.345.026	683.706.147
Dài hạn	-	100.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	100.000.000
Cộng	2.619.540.144	1.761.694.911

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2020	48.633.860.000	1.135.257.619	6.909.453.018	56.678.570.637
Lỗi trong năm	-	-	(9.277.922.562)	(9.277.922.562)
Phân phối lợi nhuận	-	-	(6.699.768.039)	(6.699.768.039)
Tại ngày 01/01/2021	48.633.860.000	1.135.257.619	(9.068.237.583)	40.700.880.036
Lỗi trong năm	-	-	(13.017.675.792)	(13.017.675.792)
Tại ngày 31/12/2021	48.633.860.000	1.135.257.619	(22.085.913.375)	27.683.204.244

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ sở hữu %	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty TNHH MTV Tổng công ty 28	65,00%	31.612.010.000	31.612.010.000
Các cổ đông khác	35,00%	17.021.850.000	17.021.850.000
Cộng	100%	48.633.860.000	48.633.860.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	48.633.860.000	48.633.860.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	48.633.860.000	48.633.860.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	5.836.063.200

Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.863.386	4.863.386
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.863.386	4.863.386
- Cổ phiếu phổ thông	4.863.386	4.863.386
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.863.386	4.863.386
- Cổ phiếu phổ thông	4.863.386	4.863.386

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

18. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	31/12/2021	01/01/2021
USD	356.994,65	255.544,58

Tài sản nhận giữ hộ

	31/12/2021	01/01/2021
Vải các loại (mét)	107.870,12	35.931,29
Nguyên liệu khác (mét)	286.979,91	27.428,31
Nhấn các loại (cái)	1.400.422,00	-

Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty TNHH May mặc S.M	6.308.051.602	6.308.051.602

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	139.538.707.848	144.558.355.868
Doanh thu xuất khẩu	80.582.578.250	101.332.428.980
Doanh thu nội địa	56.533.293.496	40.979.134.698
Doanh thu dịch vụ khác	2.422.836.102	2.246.792.190
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	261.188.642
Hàng bán bị trả lại	-	261.188.642
Doanh thu thuần	139.538.707.848	144.297.167.226

Doanh thu với các bên liên quan

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Công ty Kinh doanh thời trang - Công ty TNHH MTV Tổng công ty 28	5.521.506.250	12.607.140.000
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Tổng Công Ty 28	2.855.538.000	-
Trung tâm may đo	-	3.080.000
Công ty TNHH MTV Tổng Công Ty 28	4.626.810.750	7.696.957.791
Công ty Cổ phần 28 Quảng Ngãi	596.737.550	-
Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú	1.500.000	-

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn xuất khẩu	76.903.977.415	91.343.884.668
Giá vốn nội địa	52.439.678.086	38.895.321.308
Giá vốn dịch vụ khác	3.234.222.253	636.583.328
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	695.871.642	-
Cộng	133.273.749.396	130.875.789.304

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.154.831	2.260.304
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	525.334.720	757.329.986
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	8.935.417
Cộng	526.489.551	768.525.707

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.125.536.412	690.799.343
Chiết khấu thanh toán	439.451.312	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	28.501.584	192.595.280
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	108.235.677	-
Cộng	1.701.724.985	883.394.623

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí bán hàng	1.973.725.564	2.924.130.903
Chi phí vật liệu, bao bì	41.916.644	42.676.600
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.024.129.437	2.211.638.249
Chi phí khác	907.679.483	669.816.054
Chi phí quản lý doanh nghiệp	16.744.766.498	19.643.773.170
Chi phí nhân công	10.346.221.164	13.092.532.661
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.096.512.690	1.907.411.030
Chi phí khấu hao tài sản cố định	151.620.528	151.620.528
Thuế, phí và lệ phí	139.610.399	221.140.351
Dự phòng phải thu khó đòi	641.402.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.284.326.087	1.194.820.181
Chi phí khác	3.085.073.630	3.076.248.419
Cộng	18.718.492.062	22.567.904.073

24. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tiền hỗ trợ nhận được từ Tổng công ty 28	-	2.000.000.000
Tiền hỗ trợ nhận được từ khách hàng	584.164.376	-
Các khoản khác	41.204.676	6.333.492
Cộng	625.369.052	2.006.333.492

25. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí đào tạo từ nguồn hỗ trợ từ Tổng công ty 28	-	2.000.000.000
Các khoản bị phạt, chậm nộp	-	11.065.916
Các khoản khác	14.275.800	11.795.071
Cộng	14.275.800	2.022.860.987

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	60.055.149.116	78.383.733.203
Chi phí nhân công	50.485.980.917	61.442.872.317
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.123.000.638	6.586.012.549
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.043.033.242	18.629.828.405
Chi phí khác bằng tiền	8.189.404.633	6.381.900.978
Cộng	138.896.568.546	171.424.347.452

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(13.017.675.792)	(9.277.922.562)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(13.017.675.792)	(9.277.922.562)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.863.386	4.863.386
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(2.677)	(1.908)

28. GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối liên hệ
Công ty TNHH MTV Tổng công ty 28	Công ty mẹ
Công ty Kinh doanh thời trang - Công ty TNHH MTV Tổng công ty 28	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp may đo	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Tổng Công Ty 28	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Công ty Cổ phần 28 Đà Nẵng	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần 28 Quảng Ngãi	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú	Cùng Công ty mẹ

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính này, trong kỳ Công ty có giao dịch và số dư với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với các bên liên quan:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Mua hàng		
Công ty TNHH MTV Tổng công ty 28	3.147.487.915	4.523.623.029
Xí nghiệp May đo	-	606.735.742
Công ty Kinh doanh thời trang - Công ty TNHH MTV Tổng công ty 28	-	46.365.908
Công ty Cổ phần 28 Đà Nẵng	-	3.902.400
Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú	4.289.308	-
Chi trả cổ tức		
Công ty TNHH MTV Tổng công ty 28	-	3.793.441.200

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
Ông Nguyễn Vĩnh Long	Thành viên HĐQT, Giám đốc	360.114.074	137.457.706
Ông Vũ Sỹ Nam	Thành viên HĐQT, Giám đốc	227.117.733	-
Ông Nguyễn Thanh Huyền	Phó chủ tịch, Giám đốc (miễn nhiệm ngày 18/8/2020)	-	251.076.923
Ông Nguyễn Văn Tài	Thành viên HĐQT	-	140.248.918
Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy	Phó Giám đốc (điều chuyển từ tháng 7/2020)	-	148.336.101
Cộng		587.231.806	677.119.648

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh Công cụ tài chính.

	Giá trị ghi sổ 31/12/2021	Giá trị ghi sổ 01/01/2021
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.370.695.514	6.224.763.750
Phải thu của khách hàng	15.440.845.168	13.388.899.275
Phải thu khác	392.401.243	455.660.616
Cộng	24.203.941.925	20.069.323.641
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán	30.599.819.703	16.762.502.977
Chi phí phải trả	60.000.000	63.400.000
Phải trả khác	1.058.345.026	783.706.147
Vay và nợ thuê tài chính	19.908.055.991	15.382.945.936
Cộng	51.626.220.720	32.992.555.060
Trừ đi các khoản dự phòng	(641.402.000)	-

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty phải chịu rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Tổng Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Tổng Giám đốc nhận được.

Rủi ro tín dụng

Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn, có kỳ hạn), phải thu của khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

- Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị giảm giá

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao theo xác định của các cơ quan xếp hạng tín nhiệm quốc tế. Phải thu khách hàng và phải thu khác không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các đối tượng có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	Đến 1 năm VND	Trên 1 năm VND
Tại ngày 31/12/2021		
Phải trả người bán	30.599.819.703	-
Chi phí phải trả	60.000.000	-
Phải trả khác	1.058.345.026	-
Vay và nợ thuê tài chính	19.908.055.991	-
Cộng	51.626.220.720	-
Tại ngày 01/01/2021		
Phải trả người bán	30.599.819.703	-
Chi phí phải trả	60.000.000	-
Phải trả khác	683.706.147	100.000.000
Vay và nợ thuê tài chính	15.382.945.936	-
Cộng	46.726.471.786	100.000.000

Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá gốc trừ dự phòng (nếu có) đối với chứng khoán kinh doanh, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

31. ẢNH HƯỞNG CỦA DỊCH COVID-19 ĐẾN VIỆC LẬP VÀ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đại dịch Covid 19 xuất hiện từ đầu năm 2020 đến nay vẫn chưa được khống chế đã ảnh hưởng tiêu cực tới tất cả mọi hoạt động của xã hội. Do ảnh hưởng của đại dịch nên các hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty trong năm 2021 cũng đã bị ảnh hưởng, đặc biệt là trong giai đoạn Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16/CT-TTg ngày 31/03/2020 của Chính phủ. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đang tiếp tục theo dõi, đánh giá rủi ro một cách thận trọng để có các quyết định phù hợp đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong thời gian tới. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã phản ánh thực trạng tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm và không có điều chỉnh cần thiết nào khác liên quan đến ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 tới số liệu báo cáo tài chính này.

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được kiểm toán bởi kiểm toán viên khác.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Lê Thị Oanh

Lê Mai Dung

Nguyễn Vĩnh Long



TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 04 năm 2022

Trần Doãn Thoan

CÔNG TY
CỔ PHẦN
28.1

Digitally signed
by CÔNG TY CỔ
PHẦN 28.1
Date:
2022.03.16
15:46:22 +07'00'